

1. Gửi thầy cô giáo án đợt 2. Nhâm đã cố gắng khắc phục những hạn chế ở đợt một, song không tránh được những thiếu sót nên rất cần sự thông cảm ở thầy cô. Chín người mười ý nên sự khác biệt trong quan điểm là không thể tránh khỏi nên những chỗ khác biệt thầy cô vui lòng tự điều chỉnh giúp Nhâm. Số lượng người lấy rất lớn nên Nhâm chỉ xin phép dừng ở mức làm hài lòng số đông chứ không làm hài lòng tất cả mọi người được. Phần tổng kết có 2 cách, thầy cô chọn cách nào phù hợp với địa phương mình thì chọn. Bản ppt có bài Nhâm làm nhiều cách khởi động, thầy cô thấy phù hợp với cách nào thì giữ lại.

Nhâm và cộng sự cảm ơn thầy cô rất nhiều ạ!

2. Trong lúc thầy cô ăn, ngủ, nghỉ thì Nhâm và đội nhóm phải làm ngày, làm đêm. Nếu thầy cô tự soạn giáo án để lên lớp rồi thì Nhâm tin chắc thầy cô hiểu được điều này. Nhâm hi vọng thầy cô trân trọng công sức lao động của người khác. Trân trọng người khác cũng là trân trọng chính mình. Chia sẻ với người khác là tốt, nhưng mình tự làm ra rồi chia sẻ mới là đạo đức, nhân văn. Còn lấy công sức, mồ hôi của người khác rồi nhân danh hai chữ “chia sẻ” liệu có nhân văn. Liệu rằng ai muốn bỏ thời gian, tâm huyết bỏ cả trăm triệu ra soạn giáo án để thầy cô mang đi chia sẻ miễn phí như vậy?

(Nhâm xin lỗi những thầy cô bỏ tiền ra mua giáo án và trân trọng giáo án của Nhâm phải đọc những dòng này)

ÔN TẬP GIỮA KÌ I

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Các chủ đề đã học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã được học
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói, nghe

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, tích cực học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thuộc hoặc tóm tắt một số văn bản đã học

c) Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv sẽ cho học sinh bốc thăm để thực hiện một trong các nhiệm vụ</i> + Tóm tắt Bài học đường đời đầu tiên + Tóm tắt Cậu có muốn một người bạn + Tóm tắt Cô bé bán diêm + Tóm tắt Gió lạnh đầu mùa + Tóm tắt bức tranh của em gái tôi + Đọc thuộc thơ bài Bắt nạt; Chuyện cổ tích về loài người; Con chào mào; Mây và sóng - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	* Học sinh thực hiện yêu cầu

nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả tham gia trò chơi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG Củng Cố VÀ LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ phát PHT để học sinh hoàn thiện

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời, kết quả PHT

d. Tổ chức hoạt động

I. Đọc và thực hành tiếng Việt

1. Lý thuyết

a. Hoàn thiện bảng sau

Biện pháp tu từ	Khái niệm, tác dụng
------------------------	----------------------------

Nhân hóa	
So sánh	
Ẩn dụ	
Hoán dụ	

Dự kiến sản phẩm

Biện pháp tu từ	Khái niệm, tác dụng
Nhân hóa	là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt
So sánh	là đối chiếu sự vật này với sự vật khác trên cơ sở có nét tương đồng, làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt
Ẩn dụ	là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt
Hoán dụ	là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

2. Luyện tập

Bài tập 1: Tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu sau

a. Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

b. Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm

c.

Trâu ơi ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

d. Họ là hai chực tay sào, tay chèo, làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi

Dự kiến sản phẩm

a. Biện pháp

- So sánh: mặt trời như hòn lửa

-> Mặt trời như hòn lửa khổng lồ, đỏ rực đang từ từ chìm vào lòng biển khơi, gợi ra sự ấm áp, thơ mộng, tráng lệ

- Nhân hóa, ẩn dụ : sóng cài then, đêm sập cửa

-> gợi ra nhiều liên tưởng thú vị. Vũ trụ như ngôi nhà khổng lồ nhưng lại không xa cách mà gần gũi, mang hơi thở của cuộc sống con người.

b. Biện pháp so sánh: đá rêu phơi với như đệm êm

-> Không khí bình dị, yên ả và thư thái trong tâm hồn

c. Biện pháp tu từ: Nhân hóa “trâu ơi”, người nông dân đã trò chuyện với con trâu như trò chuyện với một người bạn-> Thể hiện sự thân thiết giữa người nông dân và con trâu

d. Biện pháp hoán dụ: tay sào, tay chèo chỉ những người ngư dân (chèo thuyền)

-> lấy cái bộ phận chỉ cái toàn thể

Bài tập 2: Đọc văn bản sau

Trong một hồ nước

Giếc sinh ra trong một hồ nước. Giếc bị lạc mẹ nên sống một mình. Gần chỗ ở của mình, Giếc chỉ thường gặp Nòng Nọc. Nòng Nọc với Giếc hay chơi cùng nhau, dần dần trở thành đôi bạn. Một hôm, chợt Giếc nhìn thấy từ phía trên bụng của Nòng Nọc có hai cục thịt lồi ra. Giếc tưởng đó là đôi vây của Nòng Nọc đang mọc. Hai cục thịt đó mỗi ngày một dài ra. Hóa ra đó không phải là đôi vây mà là đôi chân trước của Nòng Nọc. Tiếp theo, đôi chân sau của Nòng Nọc cũng mọc dài ra. Giếc không sao hiểu nổi một việc lạ lùng như vậy vì tất cả những bạn sống trong hồ nước như Rô, Mè đều có vây... Thế mà Nòng Nọc lại mọc chân. Hoa sen trong hồ đang nở, Giếc rủ Nòng Nọc bơi xa dạo chơi một chuyến. Nòng Nọc lắc đầu: - Bốn chân của tôi lều nghều nên tôi không bơi xa được! Giếc đành dạo chơi một mình quanh hồ. Đến khi quay về chỗ cũ, Giếc tìm khắp hồ nước nhưng chẳng thấy tăm hơi Nòng Nọc đâu cả... Chợt Giếc nghe có tiếng gọi: - Giếc về đó hả? Tiếng gọi nghe vang từ đâu trên mặt nước. Giếc nhảy lên cao và thấy một anh chàng đang ngồi trên một cái lá sen... Giếc còn đang ngơ ngác tìm Nòng Nọc thì anh chàng này kêu lên; - Ồ Giếc! Nòng Nọc đây mà! - Nòng Nọc sao lại không có đuôi? Nòng Nọc không biết ngồi như anh. - Đuôi của tôi đã rụng mất rồi. Nó rụng lúc Giếc đi vắng. Vết rụng đây này! Giếc đã nhận ra người bạn cũ của mình. Người bạn đó đã mọc chân, rụng đuôi và đã trở thành một chú Nhái Bén nhưng vẫn nhớ đến bạn cũ. Từ đó, tình bạn của Giếc và Nòng Nọc ngày càng thân thiết.

(Võ Quảng)

Câu 1: Xác định người kể chuyện trong văn bản?

Câu 2: Văn bản trên viết theo thể loại nào? Vì sao?

Câu 3: Có mấy nhân vật trong truyện? Em hãy chỉ ra ngoại hình, hành động và suy nghĩ, lời nói, mối quan hệ với nhân vật khác của từng nhân vật?

Nhân vật	Ngoại hình	Hành động và suy nghĩ	Lời nói	Mối quan hệ với
----------	------------	-----------------------	---------	-----------------

				nhân vật khác

Câu 4: Theo em, văn bản trên gần gũi với chủ đề nào em đã học từ đầu năm đến giờ? Qua câu chuyện này em rút ra cho mình bài học gì?

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Người kể chuyện: Người kể chuyện giấu mình (người kể chuyện ngôi thứ ba)

Câu 2: Thể loại: Truyện đồng thoại vì nhân vật trong truyện là loài vật được nhân cách hóa. Nhân vật vừa mang đặc tính vốn có của loài vật vừa mang đặc tính của con người

Câu 3:

Nhân vật	Hoàn cảnh/ Ngoại hình	Hành động và suy nghĩ	Lời nói	Mối quan hệ với nhân vật khác
Giếc	Sinh ra trong hồ nước, bị lạc mẹ, sống một mình, chơi cùng Nòng Nọc	Không hiểu nổi việc Nòng Nọc mọc chân trước và sau - Rửa Nòng Nọc đi bơi - Đi tìm Nòng Nọc	- Nòng Nọc sao lại không có đuôi - Nòng Nọc không biết ngồi như anh.	- Thân thiết với Nòng Nọc
Nòng Nọc	Trên bụng có hai cục thịt, đôi chân sau mọc dài	- Ngồi trên chiếc lá sen	- Giếc về đó hả? - Ồ Giếc! Nòng Nọc đây mà! - Đuôi của tôi rụng mất rồi	- Thân thiết với Giếc, coi trọng tình bạn với Giếc

Câu 4:

- Gần với chủ đề: Tôi và các bạn

- Coi trọng tình cảm bạn bè...

II. Viết, nói và nghe

1. Lí thuyết

Dựa vào nội dung đã học ở bài 1,2,3, Hoàn thành PHT sau

Bài	Dạng đề (viết, nói và nghe)	Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài
Tôi và các bạn		
Gõ cửa trái tim		
Yêu thương và chia sẻ		

Dự kiến sản phẩm

Bài	Dạng đề	Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài
Tôi và các bạn	- Viết bài văn kể lại một trải nghiệm kể lại một trải nghiệm - Kể lại một trải nghiệm	- Giới thiệu được nhân vật tình huống sự việc - Diễn biến sự việc - Kết quả suy nghĩ
Gõ cửa trái tim	- Viết đoạn văn ghi lại một cảm xúc và một bài thơ có yếu tố tự sự miêu tả - Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia	- Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ - Nêu được các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá chúng

	đình	- Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ - Khái quát lại cảm xúc của người viết về bài thơ dưới hình thức kể chuyện độc đáo
Yêu thương và chia sẻ	- Viết bài văn kể lại một trải nghiệm kể lại một trải nghiệm - Kể lại một trải nghiệm	- Giới thiệu được nhân vật, tình huống, sự việc - Chọn được ngôi kể (thường chỉ kể theo ngôi thứ nhất) - Diễn biến sự việc - Kết quả suy nghĩ về trải nghiệm

2. Bài tập

Bài tập 1: Viết đoạn văn ghi lại trải nghiệm học trực tuyến của em

Bài tập 2: Em hãy viết một bài văn kể về một trải nghiệm đáng nhớ về tình bạn.

Tiết chủ đề:

Tiết PPCT: 42-43

KIỂM TRA GIỮA KÌ

Chưa có đề

Tiết chủ đề: 1

BÀI 4
QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU
(16 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Thơ lục bát, cách viết thơ lục bát, đề tài và cảm xúc về thơ lục bát
- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.
- Một số biện pháp tu từ

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần nhịp
- Bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra
- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiệu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp quê hương, đất nước
- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương; chăm chỉ, tích cực học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh video nghệ sĩ Trần Mạnh Tuấn biểu diễn Saxophone bài “Quê hương”

c) Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: Giáo viên cho học sinh video nghệ sĩ Trần Mạnh Tuấn biểu diễn Saxophone bài “Quê hương” trong bệnh viện dã chiến https://www.youtube.com/watch?	- Học sinh lắng nghe, quan sát và chia sẻ cảm xúc của mình

[v=hDE_x6YgKdg](#)

Và hỏi, em nghe, cảm nhận được điều gì ở bản nhạc không lời đó?

Cách này tuyệt vời lắm thầy cô ạ, Nhâm xem mà khóc rưng rưng

- Cách 2: Giáo viên có thể mang lên lớp những đặc sản, in hoặc trình chiếu hình ảnh của địa phương mình (thật tuyệt vời nếu thầy cô biết quê hương- nơi sinh ra- của một số học sinh từ nơi khác chuyển đến, đương nhiên sẽ chuẩn bị những hình ảnh gắn liền với quê hương của em đó) và hỏi những hình ảnh, sản vật đó gợi cho em cảm xúc gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả tham gia trò chơi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm

vụ - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài Qua trò chơi, các con thấy rằng đất nước mình rất đẹp phải không nào? Mỗi vùng miền đều mang một vẻ đẹp riêng biệt, cuốn hút và còn ẩn chứa cả những giá trị văn hóa, lịch sử. Bài học hôm nay các con sẽ tiếp tục tìm hiểu vẻ đẹp của quê hương qua những vần thơ lục bát	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu:

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.
- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp quê hương, đất nước

b. Nội dung: Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv yêu cầu học sinh đọc câu thơ đề từ và</i>	I. Tìm hiểu giới thiệu bài học - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về

đoạn giới thiệu bài học và hỏi: + Chủ đề của bài học là gì? Em có cảm xúc gì gì đọc câu thơ đề từ? + Định nghĩa của riêng em về quê hương?(*) + Tình yêu quê là thứ tình cảm như thế nào? + Theo em, tình yêu quê hương thường được gửi gắm thông qua hình thức nào? Em hãy lấy một vài ví dụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung và định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh (*) Học sinh chia sẻ suy nghĩ, quan niệm về quê hương: là một món ăn, một trò chơi, lễ hội, bài hát, địa danh...	chủ đề: “Quê hương yêu dấu” - Quê hương là nơi tổ tiên, ông bà, cha mẹ ta đã sinh sống. Là đất đai, xứ sở, truyền thống cha ông, là những điều giản dị và thân thuộc ta gắn bó hàng ngày - Tình yêu quê hương là tình cảm thiêng liêng, ấm áp, chân thành, bền lâu của con người. - Tình yêu quê hương thường được gửi gắm qua văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh... Trong bài học này, tình yêu quê hương được thể hiện qua những bài ca dao và thơ trữ tình viết theo thể lục bát.
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

b. Nội dung: Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm PHT của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về thể thơ lục bát, lục bát biến thể Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm đôi - Gv chuyển giao nhiệm vụ: + <i>Giáo viên in PHT số 1a kết hợp với trình chiếu ví dụ</i> + <i>Sau khi phân tích ví dụ, rút ra kết luận: khái niệm, cách gieo vần, thanh điệu, ngắt nhịp</i> + <i>Gv tiếp tục yêu cầu học mở PHT 1b (mặt sau của 1a): Ghi các ví dụ vào mô hình và nhận xét(về thanh điệu bằng trắc, cách gieo vần, ngắt nhịp...)</i>	II. Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn 1. Thơ lục bát * Phân tích ví dụ * Kết luận - Khái niệm: <i>Lục bát</i> là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng (dòng lục) và một dòng tám tiếng (dòng bát). - <i>Vần trong thơ lục bát</i>: tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám, tiếng cuối dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo - <i>Thanh điệu trong thơ lục bát</i>: + Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 có thể được phối thanh tự do. + Trong dòng 6 và dòng 8, các tiếng thứ 6, thứ 8 là thanh bằng còn tiếng

thứ 4 là thanh trắc; riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ 6 là thanh **bằng (ngang)** thì tiếng thứ 8 phải là thanh **bằng (huyền)** và ngược lại.

- *Nhịp trong thơ lục bát*: thơ lục bát thường được ngắt nhịp chẵn, ví dụ như 2/2/2, 2/4/2, 4/4,

2. Lục bát biến thể

- * Phân tích ví dụ
- * Kết luận

Lục bát biến thể là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong các dòng thơ.

PHT 1

a. Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Ai lên xử cùng anh Tiệc mẹ sinh em	Tiến g Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Lạng công bác thành ra
	lục		Đặng B		phố T		Lừa B (ừa)			
	bát									
	lục									
	bát									

a. Ghi tiếng ở vị trí 2-4-6-8 của các dòng thơ còn lại vào mô hình theo mẫu và xác định thanh điệu; vần (tiếng thứ 6 và 8).

b. Nhận xét về vần ở tiếng thứ 6 của dòng sáu và tiếng thứ 6 của dòng tám; tiếng thứ 8 của dòng sáu và tiếng thứ 6 của dòng sáu tiếp theo?

.....
.....

c. Nhận xét về thanh điệu ở tiếng thứ 6 và tiếng thứ 8 trong các câu tám?

.....
.....

d. Nhìn vào mô hình, nhận xét về thanh điệu của các tiếng ở vị trí 2-4-6-8 so với các tiếng ở vị trí 1-3-5-7?

.....
.....

e. Đọc đoạn thơ, xác định vị trí ngừng, nghỉ trong câu, ghi kí hiệu bằng dấu /

Dự kiến sản phẩm

Đồng Đăng/ có phố/ Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị/, có chùa Tam Thanh

Ai lên/ xứ Lạng/ cùng anh

Tiếc công bác mẹ/ sinh thành ra em

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
lục	-	Đặng (bằng: thanh ngang)	-	Phố (trắc: thanh hỏi)	-	Lừa (bằng: thanh huyền) (vần: ưà)		
bát	-	nàng (bằng: thanh ngang)	-	Thị (trắc: thanh sắc)	-	chùa (bằng: thanh ngang) (vần: ua)	-	Thanh (bằng: thanh huyền) (vần: anh)
lục	-	lên (bằng: thanh ngang)	-	Lạng (trắc: thanh nặng)	-	anh (bằng: thanh huyền) (vần: anh)		
bát	-	công (bằng: thanh ngang)	-	Mẹ (trắc: thanh hỏi)	-	thành (bằng: thanh huyền) (vần: anh)	-	em (bằng: thanh ngang)

a. Ghi tiếng ở vị trí 2-4-6-8 của các dòng thơ còn lại vào mô hình theo mẫu và xác định thanh điệu; vần (tiếng thứ 6 và 8).

b. Nhận xét về vần ở tiếng thứ 6 của dòng sáu và tiếng thứ 6 của dòng tám; tiếng thứ 8 của dòng sáu và tiếng thứ 6 của dòng sáu tiếp theo?

- Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám
- Tiếng cuối dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo

c. Nhận xét về thanh điệu ở tiếng thứ 6 và tiếng thứ 8 trong các câu tám?

- Cả hai đều là thanh bằng nhưng tiếng thứ 6 là thanh **bằng (ngang)**, tiếng thứ 8

d. Nhìn vào mô hình, nhận xét về thanh điệu của các tiếng ở vị trí 2-4-6-8 so với các tiếng ở vị trí 1-3-5-7?

- e. Đọc đoạn thơ, xác định vị trí ngừng, nghỉ trong câu, ghi kí hiệu bằng dấu /

Ghi các ví dụ sau vào mô mình và nhận xét (về thanh điệu bằng trắc, cách gieo vần, ngắt nhịp...)

Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao

[illegible]

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt ý	
--------------------------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Bài 1: Trắc nghiệm: Tổ chức bằng hình thức “Rung chuông vàng”	
Câu 1: Theo truyền thống, thanh bằng (B) được hiểu là những thanh nào? A. Ngang, huyền B. Ngang, huyền, sắc C. Huyền, sắc, ngã D. Huyền, ngã, hỏi Câu 2: Liệt kê những thanh trắc A. Sắc, nặng, ngã, hỏi B. Ngang, huyền, sắc	

C. Nặng, ngã, hỏi

D. Nặng, hỏi, sắc

Câu 3: “Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng”

Viết theo thể thơ song thất lục bát biến thể đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 4: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2; 2/4/2; 4/4) đúng hay sai

A. Đúng

B. Sai

Câu 5: Các tiếng ở vị trí thứ 2,4,6,8 trong câu thơ lục bát có thể được phối thanh tự do đúng hay sai

A. Đúng

B. Sai

Câu 6: Trong thể thơ lục bát, luật gieo vần là

A. Tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo

B. Tiếng thứ 4 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo

C. Tiếng thứ 5 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo

Câu 7: Nhận định nào sau đây nói đúng về thể thơ lục bát biến thể

A. Là một thể thơ không có giá trị

B. Là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong dòng thơ

C. Lục bát biến thể là một thể thơ vay mượn ở nước ngoài.

Câu 8: Nhận định nào sau đây nói đúng về thể thơ lục bát

A. Là thể thơ được vay mượn từ Trung Quốc, có một cặp câu lục bát.

B. Là một thể thơ có từ lâu đời của dân tộc, tuy nhiên hiện nay không còn được sử dụng.

C. Là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm một dòng 6 tiếng (dòng lục) và một dòng 8 tiếng (dòng bát)

(Để tiết Làm một bài thơ lục bát hiệu quả, gv có thể cho học sinh tìm một đoạn thơ/ bài ca dao và ghi vào mô hình, sau đó phân tích như PHT số 1)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trả lời

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức hoạt động

- Chia sẻ, lắng nghe

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

Tiết chủ đề: 1-2

Tiết PPCT: 44-45

VĂN BẢN 1: CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Thơ lục bát, cách viết thơ lục bát, đề tài và cảm xúc về thơ lục bát
- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần nhịp
- Bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp quê hương, đất nước

- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương; chăm chỉ, tích cực học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Chữ S bí mật”. Trên bản đồ có 8 vùng địa lý +2 quần đảo tương ứng với 10 câu hỏi liên quan đến khu vực đó. Học sinh được chọn một vùng bất kì.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:



HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv tổ chức trò chơi “Chữ S bí mật”. Trên bản đồ có 8 vùng địa lý +2 quần đảo tương ứng với 10 câu hỏi liên</i>	- Trả lời được câu hỏi

quan đến khu vực đó. Học sinh được chọn một vùng bất kì.

(Nhấn bạn làm PPT: Em chỉ cần làm mỗi vùng một câu. Sau khi học sinh trả lời đúng đáp án, em trình chiếu hình ảnh về địa danh/ tỉnh đó)

1. Tây Bắc Bộ

Tỉnh gì có đỉnh Xi Păng
Sa Pa mây trắng dung dăng bốn mùa?

Lào Cai

2. Đông Bắc Bộ

Tỉnh gì xứ sở vàng đen
Có chùa Yên Tử mây chen thông ngàn
Có Hạ Long đẹp tuyệt trần
Một lần đến vạn muôn lần mê say?

Đáp án: Quảng Ninh

Mẫu Sơn núi đẹp bốn mùa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
Chi lăng hiem trở non xanh
Một thời chiến tích lưu danh muôn đời?

Đáp án: Tỉnh Lạng Sơn.

Tỉnh gì đón Bác trở về
Sau ba thập kỷ xa quê tìm đường
Có hạm Pắc Bó gió sương
Gợi thương Bác những năm trường gian nan?

Đáp án: Cao Bằng

3. Đồng bằng sông Hồng

Thành phố xanh hòa bình

Soi bóng dòng sông đổ
Lịch sử ngàn năm qua
Bao dấu son còn đó
Đây Ba Đình, Đống Đa
Đây Hồ Gươm , Tháp Bút
Mãi mãi bản hùng ca ?

Đáp án: Thành phố Hà Nội.

4. Bắc Trung Bộ

Tỉnh gì có cầu Hiền Lương
Trăm năm còn mãi nhớ thương một thời
Có sông Bến Hải xanh trời
Có Thành Cổ vọng muôn đời tráng ca?

Đáp án: Tỉnh Quảng Trị.

Tỉnh gì non nước quanh quanh
Tự hào Bác đã sinh thành từ đây?

Đáp án: Tỉnh Nghệ An.

5. Duyên Hải Nam Trung Bộ

Tỉnh gì có Vịnh Cam Ranh
Nha Trang biển đẹp nổi danh xa gần?

Đáp án: Tỉnh Khánh Hòa.

6. Tây Nguyên

Đường lên bát ngát thông reo
Ở đâu thung lũng tình yêu sương mờ

Đáp án: Đà Lạt

7. Đông Nam Bộ

Đảo gì nơi xưa ấy
Là địa ngục trần gian
Bao nhiêu người yêu nước
Xiềng xích vằn bên gan
Mỗi lần về thăm đảo
Nhớ chị Sáu muôn vàn?

Đáp án: Côn Đảo.

Nơi nào có cửa khẩu Mộc Bài
Chiến khu bất khả những ngày gian nan
Có tòa thành Thánh lớn khang trang
Bà Đen thẳng cánh say ngàn khách xa?

Đáp án: Tỉnh Tây Ninh.

8. Đồng Bằng Sông Cửu Long

Tỉnh gì bát ngát dừa xanh
Quê hương Đồng Khởi lừng danh ngày nào?

Đáp án: Tỉnh Bến Tre.

9. Đảo Hoàng Sa

Hoàng Sa thuộc thành phố gì
Em nào biết được xin ghi sổ vàng?

Đáp án: Thành Phố Đà Nẵng.

10. Đảo Trường Sa

Trường Sa quần đảo tự hào
Gắn liền hành chính tỉnh nào, đố em?

Đáp án: Tỉnh Khánh hòa.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

Qua trò chơi, các con thấy rằng đất nước mình rất đẹp phải không nào? Mỗi vùng miền đều mang một vẻ đẹp riêng biệt, cuốn hút và còn ẩn chứa cả những giá trị văn hóa, lịch sử. Bài học hôm nay các con sẽ tiếp tục tìm hiểu vẻ đẹp của quê hương qua những vần thơ lục bát khác

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Biết cách đọc văn bản trữ tình, tìm hiểu sơ lược về tác giả tác phẩm

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản

c. Sản phẩm học tập: Cách đọc của học sinh, câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hướng dẫn học sinh đọc về tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn học sinh cách đọc + GV đọc diễn các câu thơ lục bát, hướng dẫn học sinh cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả dân gian về vẻ đẹp quê hương. + Tổ chức cho học sinh đọc trong nhóm hoặc trên lớp. - Hướng dẫn hs giải nghĩa từ bằng trò chơi “...” Câu 1: “Canh gà” trong “canh gà Thọ Xương” là: A. Một món canh thường ăn ngày tết B. Canh nấu bằng xương gà C. Tiếng gà gáy báo thời gian Câu 2: Đầm Xác Cáo, hồ Kim Ngưu, hồ Lãng Bạc là tên gọi khác của hồ nào? A. Hồ Hoàn Kiếm B. Hồ Tây	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả dân gian về vẻ đẹp quê hương. 2. Chú thích

C. Hồ Bảy Mẫu

Câu 3: Ngôi đền nằm trên Hồ Tây là:

A. Đền Voi Phục

B. Đền Gióng

C. Đền Trấn Võ

Câu 4: Yên Thái là làng chuyên làm

A. Làm cốm

B. Làm mây tre đan

C. Làm giấy

Câu 5: Tam Cờ là con sông ở tỉnh

A. Thái Bình

B. Bắc Giang

C. Lạng Sơn

*Câu 6: Vĩ Dạ là một ngôi làng nằm ở bên
dòng sông*

A. Sông Hồng

B. Sông Hàn

C. Sông Hương

- HS lắng nghe.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện
nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo
luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của

bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.
- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

b. Nội dung: Gv tổ chức cho học sinh thảo luận theo luận nhóm đôi, nhóm 4-6 học sinh, PP thuyết trình, gợi mở kết hợp PHT để tìm hiểu các bài ca dao

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm thể loại thơ lục bát Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Gv chia lớp thành 4 nhóm, phát PHT số 1	II. Khám phá văn bản 1. Đặc điểm thể loại thơ lục bát a. Đặc điểm thể loại thơ lục bát trong bài số 1 và số 2

Nhóm 1+3 làm bài 1

Nhóm 2+ 4 làm bài 2

PHT số 1

Điền vào mô hình sau để xác định đặc điểm thể thơ lục bát trong ca dao

Bài 1

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp
Câu									
Lục									
Bát									
Lục									
Bát									

Bài 2:

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp
Câu									
Lục									
Bát									
Lục									
Bát									

Nhận xét:

- Số dòng, số tiếng trong từng dòng:

- Cách gieo vần:

- Ngắt nhịp

- Phối hợp thanh điệu:

Dự kiến sản phẩm

PHT số 1

Điền vào mô hình sau để thấy được đặc điểm thể thơ lục bát trong ca dao

Bài 1

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp
Lục		đưa (B)		trúc (T)		đà (B) (vần a)			2/2/2
Bát		chuông (B)		Võ (T)		gà (B) (vần a)		Xương (B) (vần ương)	4/4
Lục		mờ (B)		tỏa (T)		Sương (B) (vần ương)			2/2/2
Bát		chày (B)		Thái (T)		gương (B)		Hồ	4/4

Bài 2:

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp
Lục		lên		Lạng		xa			2/2/2

		(B)		(T)		(B) (vần a)			
Bát		một (T)		núi (T)		ba (B) (vần a)		đồng (B) (vần ông)	4/4
Lục		ơ (B)		lại (T)		trông (B) (vần ông)			2/4
Bát		núi (T)		Lạng (T)		sông (B) (vần ông)		Cờ (B)	4/4

Nhận xét:

- **Số dòng, số tiếng trong từng dòng:** 4 dòng, 2 cặp lục bát; dòng lục có 6 tiếng, dòng bát 8 tiếng
- **Cách gieo vần:** tiếng cuối của dòng 6 với tiếng 6 của dòng 8; tiếng cuối của dòng 8 với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo...
- **Ngắt nhịp: nhịp chẵn**
- **Phối hợp thanh điệu:** tiếng thứ 4 là thanh **trắc**, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng
=> Tuân thủ luật thơ lục bát thông thường

+ Chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao số 3 trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

b. Đặc điểm thể loại thơ lục bát qua bài số 3

- **Số tiếng:** hai dòng đầu mỗi dòng có 8 tiếng
- **Cách phối hợp thanh điệu:** tiếng

Phiếu PH số 2b

Hình ảnh, từ ngữ	Tác dụng của hình ảnh, từ ngữ	Nghệ thuật	Tình cảm của tác giả

Phiếu PH số 2c

	Xác định	Tác dụng	Cảm nhận của em về thiên nhiên xứ Huế	Tình cảm của tác giả dân gian
Địa danh				
Từ ngữ				
Hình ảnh, âm thanh				

Dự kiến sản phẩm

Phiếu PH số 2a

	Xác định	Nghệ thuật, tác dụng	Tình cảm của tác giả
Hình ảnh	- Cảnh trúc la đà - Mịt mù khói toả - mặt gương Tây Hồ	- Ẩn dụ “mặt gương Tây Hồ”: - Hồ Tây tĩnh lặng, bao la, nước trong xanh, phẳng như một tấm gương khổng lồ sáng lonh lonh-> vẻ đẹp nên thơ, mờ ảo của Hồ Tây vào sáng sớm, làm bừng	- Ca ngợi, tự hào, yêu mến vẻ đẹp của mảnh đất Thăng Long - Sự gắn bó

		sáng bài ca dao - Đảo ngữ “mịt mù khói tỏa”-> tăng thêm sự lung linh, huyền ảo	
Âm thanh	- Tiếng chuông - Tiếng gà gáy báo canh - Tiếng chày giã dó	- Lấy động tả tĩnh-> + Cuộc sống thanh bình, yên ả, vừa thanh khiết vừa dân dã bởi tiếng chuông chùa và tiếng gà gáy; + Nhịp điệu hối hả của của cuộc sống qua nhịp chày dồn dập	sâu nặng với quê hương của người dân Thăng Long

Phiếu PH số 2b

Hình ảnh, từ ngữ	Tác dụng của hình ảnh, từ ngữ	Nghệ thuật	Tình cảm của tác giả
- Một trái núi - Ba quãng đồng - núi Thành Lang - sông Tam Cờ	- Quãng đường đến xứ Lạng- nơi địa đầu Tổ quốc dài thăm thẳm, núi non trùng điệp, vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng - Vẻ đẹp đa dạng, sơn thủy hữu tình	- Câu hỏi tu từ - Điệp từ: kìa	- Niềm tự hào, yêu mến về vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên xứ Lạng

Phiếu PH số 2c

	Xác định	Tác dụng	Cảm nhận của em về thiên nhiên xứ Huế	Tình cảm của tác giả dân gian
Địa danh	- Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh	- Vẻ đẹp sinh động, thơ mộng, trữ tình	Đẹp, thơ mộng nhưng trầm buồn	Tình yêu tha thiết, sâu nặng với xứ Huế,

Từ ngữ	- lời đờ	Sự chuyển động chậm rãi của con đò trên dòng sông Hương êm đềm			
Hình ảnh, âm thanh	- trăng chênh - tiếng hò	- Nền thơ - Âm điệu trữ tình, trầm mặc, sâu lắng, mang đặc trưng xứ Huế			
- HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức					

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung bài?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước. - So sánh, ẩn dụ... 2. Nội dung - Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước.

Cách tổng kết 2 PHT số ...		
Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn	
..		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:- Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Trốn tìm cùng Bạch Tuyết và bảy chú lùn”

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của PHT của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Câu 1. Âm thanh trong bài ca dao số 1 là gì?	

A. Tiếng mõ

B. Tiếng ve kêu

C. Tiếng đọc kinh

D. Tiếng chuông, nhịp chày

Câu 2. Màu xanh trong bài ca dao số 1 là màu của

A. nước biển, bầu trời.

B. Cành trúc, nước Hồ Tây

C. Đồng lúa, mặt sông

D. Bầu trời, đồng lúa

Câu 3. Địa danh xuất hiện trong bài ca dao số 1 là

A. Trấn Vũ

B. Vĩ Dạ

C. Ba Sinh

D. Đập Đá

Câu 4. Tây Hồ, Yên Thái là các địa danh được nhắc đến trong bài ca dao số

A. 2

B. 3

C. 1

D. 1 và 2

Câu 5. Tiếng “canh gà” được gieo vần với tiếng

A. Lơ là

B. La đà

C. Ngàn sương

D. Mặt gương

Câu 6. Thanh bằng trong bài ca dao số 1 là

A. Đà, khói, tỏa.

B. Sương, mịt, mù.

C. Hồ, tỏa, nhịp, chày

D. Hồ, đà, sương, xương

Câu 7. Bài ca dao số 2 nói đến thiên nhiên vùng đất nào

A. Ninh Bình

B. Lạng Sơn

C. Bắc Giang

D. Cao Bằng

Câu 8. Nhịp thơ trong bài ca dao số 2 là

A. Chẵn

B. Lẻ

C. Lộn xộn

D. Biến thể về gieo vần

Câu 9. Thời gian trong bài ca dao số 3 là

A. Ban ngày

B. Ban đêm

C. Buổi sáng

D. Buổi trưa

Câu 10. Địa danh được nhắc đến trong bài ca dao số 3 là

A. Lạng Sơn

B. Đập Đá

C. Khánh Hòa D. Bình Định - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	
---	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nhận của mình về một danh lam thắng cảnh của đất nước</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cảm nhận của bản thân về một danh lam thắng cảnh Sa Pa là thị trấn nghỉ mát cao nhất ở miền Bắc nước ta và nằm ở giữa sườn núi Hoàng Liên Sơn nơi có đỉnh Phan-xi-pan cao nhất Việt Nam và Đông Dương. Trên đường lên Sa Pa, qua cửa xe, chúng ta có thể say sưa ngắm nhìn những tràn ruộng bậc thang trên sườn núi và những ngôi nhà nhỏ xinh xắn của đồng bào dân tộc. Tới Sa Pa, chúng ta được đi thăm thác Bạc, nước ở trên cao đổ xuống theo sườn núi tựa như một dải lụa trắng. Sau những trận mưa lớn, trên đường từ Sa Pa tới đèo Ô Quy Hồ, ta được chiêm ngưỡng vô số những thác bậc chảy nhất thời, đổ nước từ trên sườn núi cao xuống thấp. Đi qua một chút nữa là cầu Mây, một chiếc cầu treo bắc qua thung lũng sông, cầu bắc chênh vênh, đi qua thấy đu đưa bồng bênh khiến em không quen thấy sợ. Thị trấn Sa Pa vui nhất vào ngày phiên chợ cuối tuần. Chợ họp ngay giữa phố. Chợ bán nhiều sản vật địa phương,

	như rau, quả, măng, nấm tươi, mộc nhĩ, các vị thuốc...Sa Pa là một thị trấn nghỉ mát lí tưởng. Khí hậu mùa hạ mát mẻ, ngay giữa mùa cũng không thấy nóng bức còn tối đến lại rét. Ôi! Sa Pa thật đẹp!
--	---

Tiết chủ đề: 3

Tiết PPCT: 46

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân biệt các từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ	Gợi ý: + Luộc + Bàn cờ

Giáo viên tổ chức trò chơi “Đố vui”	+ Quần đảo
Câu 1: Làm thế nào để con cua được chín chân?	+ Nước cờ
(luộc)	+ Cầu thủ
Câu 2: Bàn gì xe ngựa sớm chiều giờ ra?	+ Con tim
(Bàn cờ)	+ Gãy tay
Câu 3: Quần rộng nhất là quần gì?	+ Dãi dầu
Quần đảo	+ Lấp bắp
Câu 4: Nước gì ăn được mà không uống được?	+ Than thân
Nước cờ	+ Bạc tình
Câu 5: Cầu gì biết chạy?	
Cầu thủ	
Câu 6: Con gì đập thì sống, không đập thì chết?	
Con tim	
Câu 7: Bệnh gì bác sĩ bó tay ?	
Gãy tay	
Câu 8:	
Một trăm thứ dầu , dầu chi là dầu không thắp?	

(dãi dầu)

Một trăm thứ **bấp**, bấp chi là bấp không rang?

(lắp bắp)

Một trăm thứ **than**, than chi là than không quạt?

(than thân)

Một trăm thứ **bạc**, bạc chi là chẳng ai mua?

(bạc tình)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe, quan sát và thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Những câu đố vui trên khá bất ngờ và thú vị phải không các con? Vậy các tác giả dân gian đã sử dụng hiện tượng gì để để tạo ra sự bất ngờ, thú vị đó?	
--	--

Trong lúc thầy cô ăn, ngủ, nghỉ thì Nhâm và đội nhóm phải làm ngày, làm đêm. Nếu thầy cô tự soạn giáo án để lên lớp rồi thì Nhâm tin chắc thầy cô hiểu được điều này. Nhâm hi vọng thầy cô trân trọng công sức lao động của người khác. Trân trọng người khác cũng là trân trọng chính mình. Chia sẻ với người khác là tốt, nhưng mình tự làm ra rồi chia sẻ mới là đạo đức, nhân văn. Còn lấy công sức, mồ hôi của người khác rồi nhân danh hai chữ “chia sẻ” liệu có nhân văn. Liệu rằng ai muốn bỏ thời gian, tâm huyết bỏ cả trăm triệu ra soạn giáo án để thầy cô mang đi chia sẻ miễn phí như vậy?

(Nhâm xin lỗi những thầy cô bỏ tiền ra mua giáo án và trân trọng giáo án của Nhâm phải đọc những dòng này)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm từ đồng âm, từ đa nghĩa

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm.

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái niệm từ đơn, ghép

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời+ PHT của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

NV1 : Tìm hiểu khái niệm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: + Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ví dụ trang 92: “Một nghề cho chín(1) còn hơn chín(2) nghề” + Rút ra khái niệm từ đồng âm + Yêu cầu học sinh lấy một đến hai ví dụ tương tự + Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ví dụ trang 93 . Tôi ăn cơm . Xe này ăn nhiều xăng + Rút ra khái niệm từ đa nghĩa + Yêu cầu học sinh lấy một đến hai ví dụ tương tự - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	I. Khái niệm - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau; - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau.
---	---

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Từ đồng âm

+ Từ “chín” 1 chỉ tính chất; “chín” 2 chỉ số lượng; nghĩa của hai từ này khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.

+ Ví dụ : từ câu

. Anh ấy đang câu cá (động từ)

. Đoạn văn có 5 câu (đơn vị của văn bản)

. Các cầu thủ đang câu giờ (kéo dài thời gian)

Từ đa nghĩa

+ Từ “ăn” trong ăn cơm có nghĩa là “tự cho vào cơ thể thức ăn để nuôi sống”, “ăn” trong ăn xăng là “tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động”. Hai nghĩa này liên quan đến nhau

+ Ví dụ: từ “ngọt”

. Trái cây rất ngọt (chỉ đồ ăn thức uống có vị như đường, mật.

. Cô ấy nói rất ngọt (chỉ lời nói, âm thanh êm

tai, dễ nghe)	
---------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức cho hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật các mảnh ghép

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép (giả định lớp có 32 học sinh, trường hợp nhiều hay ít hơn thầy cô linh hoạt công thức) Vòng 1: Nhóm chuyên gia (10 phút) Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm Nhóm 1: Bài 1 Nhóm 2: Bài 2 Nhóm 3: Bài 3	II. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 92 a. Lờ mờ bóng ngả trắng chênh → bóng: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có; b. Bóng đã lăn ra khỏi đường biên dọc → bóng: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nảy, dùng làm đồ chơi thể thao; c. Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng → bóng: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương. ➔ Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau → từ đồng âm.

Nhóm 4: Bài 4 Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép (15 phút) - Hình thành 5 nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có 2 người cũ+ 6 người mới (2 người từ nhóm 2, 2 người nhóm 3, 2 người nhóm 4) - Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới. - Làm việc cá nhân bài tập số 5 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	Bài tập 2 SGK trang 92 – 93 a. - <i>Đường lên xứ Lạng bao xa</i> → đường: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác; - <i>Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm đường</i> → đường: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm; b. – Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát → đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt; - Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng → đồng: đơn vị tiền tệ ➔ Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau → từ đồng âm. Bài tập 3 SGK trang 93 a. <i>Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều trái</i> b. <i>Bố vừa mua cho em một trái bóng</i> c. <i>Cách một trái núi với ba quãng đồng</i> ➔ Trái trong ba ví dụ đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu → Từ đa nghĩa. Bài tập 4 SGK trang 93 a. <i>Con cò có cái cổ cao</i> → Cổ: chỉ một bộ phận
---	--

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	cơ thể, nổi đầu với thân; b. Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao cổ → Cổ: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ → Từ đa nghĩa. c. Phố cổ tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội → Cổ: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ cổ trong hai câu a. và b. → Từ đồng âm. Bài tập 5 SGK trang 93 - Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non → Nặng: tính chất, mức độ nhiều tình cảm. - Một số ví dụ có từ nặng được dùng với nghĩa khác: + Anh ấy là đối thủ nặng kí + Bác ấy bị nặng tai + Bệnh nhân bị viêm phổi nặng do mắc Covid
---	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Làm bài tập về từ đồng âm

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV chuyển giao nhiệm vụ Câu 1: Ca dao, tục ngữ hay sử dụng từ đồng âm để chơi chữ nhằm tạo những câu nói có nhiều nghĩa, gây những bất ngờ thú vị cho người đọc, người nghe. Em hãy cho biết những bài ca dao sau đã sử dụng những từ đồng âm nào để chơi chữ a. <i>Chị Xuân đi chợ mùa hè</i> <i>Mua cá thu về chợ hầy còn đông</i> b. <i>Bà già đi chợ cầu Đông</i> <i>Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng</i> <i>Thầy bói gieo quẻ nói rằng</i> <i>Lợi thì có lợi nhưng răng không còn</i> <i>Nghĩa của từ “răng” trong hai câu sau có liên quan với nhau không? Vì sao?</i>	Câu 1: a. - Chị Xuân (tên riêng) - mùa xuân - Cá thu (tên một loại cá) – mùa thu - Đông (đông đúc, chỉ số nhiều) – mùa đông b. - Lợi (lợi chăng) – lợi ích, thuận lợi - Lợi trong câu nói của thầy bói: phần thịt bao quanh chân răng Câu 2: a.1: răng: → chỉ một bộ phận trong khoang miệng có chức năng nhai, nghiền nát thức ăn (nghĩa gốc) a.2: răng→ là nghĩa chuyển lấy từ

<i>a.1: Mình về mình có nhớ ta</i> <i>Ta về ta nhớ hàm răng mình cười</i> <i>a.2: Răng của chiếc cào</i> <i>Làm sao nhai được</i> <i>(Quang Huy)</i> <i>b.1: Miệng cười như thể hoa ngâu</i> <i>Cái khăn đội đầu như thể hoa ngâu!</i> <i>b.2: Những chú lính cứu nạn cứu hộ đang lấp</i> <i>miệng giếng.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS lắng nghe nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV khích lệ, động viên, nhận xét	nghĩa gốc chỉ về cái răng, nhưng dùng để cào, không dùng để nhai => Từ răng có cùng nét nghĩa chỉ một vật sắc, sắp đều hàng b.1: miệng: một bộ phận trên mặt người hay ở phần trước của đầu động vật, dùng để ăn, nói, kêu, hút b.2: phần trên cùng, ngoài cùng, thông với bên ngoài cùng của vật có chiều sâu => Từ miệng có cùng nét nghĩa chỉ bộ phận ở phía trước, thông với bên ngoài...
--	--

Tiết chủ đề: 4

Tiết PPCT: 47

CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm cơ bản của thể thơ lục bát thể hiện qua bài thơ
- Tình cảm yêu mến của tác giả đối với truyện cổ dân gian, cảm nhận thẩm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những truyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần nhịp
- Bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp quê hương, đất nước
- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương; chăm chỉ, tích cực học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: GV tổ chức trò "Đuổi hình bắt chữ" để học sinh tìm ra những chuyện cổ có trong bài thơ

c) Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:



HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Gv tổ chức Trò chơi đuổi hình đoán tác phẩm. Có 6 hình ảnh tương ứng với 6 câu chuyện. + Học sinh nhận xét về những câu chuyện vừa kể?	- HS nêu được: - Cây tre trăm đốt - Sự tích trầu cau - Đẽo cày giữa đường - Cóc kiện trời

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời - Gv tổ chức trò chơi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới: Đây là những câu chuyện cổ thân thuộc gắn liền với kí ức, tuổi thơ của mỗi người chúng ta. Chính sự thân thuộc ấy đã trở thành nguồn cảm hứng để nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ viết bài thơ "Chuyện cổ nước mình"	- Thạch Sanh - Cây khế => Là những câu chuyện cổ của đất nước, có giá trị giáo dục...
---	---

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn cách đọc diễn cảm</i> + <i>GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</i> + <i>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chú thích</i> + <i>Tìm hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc diễn cảm 2. Chú thích - Chuyện cổ - Độ trì - Độ lượng - Đa tình - Đa mang 3. Tác giả, tác phẩm a. Tác giả - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ; - Năm sinh: 1949; - Quê quán: Quảng Bình; - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương. b. Tác phẩm - Rút từ <i>Tuyển tập</i>, NXB Hội

	nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.
--	--------------------------------

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần nhịp
- Bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra
- Yêu nước, trách nhiệm

b. Nội dung: Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, thảo luận nhóm, PHT để hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ, sản phẩm thảo luận nhóm (tranh ảnh)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Tìm hiểu đặc điểm thể loại lục bát trong bài thơ	II. Khám phá văn bản 1. Đặc điểm thể loại lục bát trong bài thơ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv viên phát PHT số 1, HS làm việc nhóm đôi <table border="1" data-bbox="191 436 773 1083"> <tr> <th>Đặc điểm thể loại thơ lục bát</th><th>Biểu hiện trong bài thơ</th></tr> <tr> <td>Số dòng thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>Số tiếng trong từng dòng</td><td></td></tr> <tr> <td>Vần trong các dòng thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhịp thơ của từng dòng</td><td></td></tr> </table>	Đặc điểm thể loại thơ lục bát	Biểu hiện trong bài thơ	Số dòng thơ		Số tiếng trong từng dòng		Vần trong các dòng thơ		Nhịp thơ của từng dòng		<table border="1" data-bbox="829 191 1388 1157"> <tr> <th>Đặc điểm thể loại thơ lục bát</th><th>Biểu hiện trong bài thơ</th></tr> <tr> <td>Số dòng thơ</td><td>28 cặp lục bát</td></tr> <tr> <td>Số tiếng trong từng dòng</td><td>Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng</td></tr> <tr> <td>Vần trong các dòng thơ</td><td>Ôi- ời; a-ta-xa; im-hiền-tiên; trì-đi- thì...</td></tr> <tr> <td>Nhịp thơ của từng dòng</td><td>2/2/2 4/4; 2/2/2 2/2/2/2 Nhịp chẵn</td></tr> </table>	Đặc điểm thể loại thơ lục bát	Biểu hiện trong bài thơ	Số dòng thơ	28 cặp lục bát	Số tiếng trong từng dòng	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng	Vần trong các dòng thơ	Ôi- ời; a-ta-xa; im-hiền-tiên; trì-đi- thì...	Nhịp thơ của từng dòng	2/2/2 4/4; 2/2/2 2/2/2/2 Nhịp chẵn
Đặc điểm thể loại thơ lục bát	Biểu hiện trong bài thơ																				
Số dòng thơ																					
Số tiếng trong từng dòng																					
Vần trong các dòng thơ																					
Nhịp thơ của từng dòng																					
Đặc điểm thể loại thơ lục bát	Biểu hiện trong bài thơ																				
Số dòng thơ	28 cặp lục bát																				
Số tiếng trong từng dòng	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng																				
Vần trong các dòng thơ	Ôi- ời; a-ta-xa; im-hiền-tiên; trì-đi- thì...																				
Nhịp thơ của từng dòng	2/2/2 4/4; 2/2/2 2/2/2/2 Nhịp chẵn																				
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.																					

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu những câu chuyện cổ được nhắc đến Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ:	2. Những câu chuyện cổ được nhắc đến và ý nghĩa

PHT số 2

Tên truyện	Dấu hiệu nhận diện	Ý nghĩa, giá trị nhân văn của các chuyện cổ (phân tích một vài ví dụ)

Dự kiến sản phẩm

Tên truyện	Dấu hiệu nhận diện	Ý nghĩa, giá trị nhân văn của các chuyện cổ (phân tích một vài ví dụ)
<i>Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt, Cây khế, Sọ Dừa</i>	<i>“Ở hiền thì lại gặp lành Người ngay thì gặp người tiên độ trì”</i>	- Nhân hậu, vị tha, độ lượng, bao dung, đa tình, đa mang.. (Thạch Sanh sẵn sàng giúp đỡ, xả thân vì người khác; khi biết tội ác của Lí Thông nhưng vẫn tha chết cho mẹ
<i>Tấm Cám</i>	<i>“Thị thơm thì giấu người thơm”</i>	
<i>Đẽo cày giữa đường</i>	<i>“Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ</i>	

	<i>thành khúc gỗ chẳng ra việc gì”</i>	<i>con hăn; người em trong truyện cây khế chẳng trách người anh tham lam nửa lời; cô gái út trong Sọ Dừa có tấm lòng thương người đặc biệt đó là người có khiếm khuyết về ngoại hình; đó còn là sự trân quý tình cảm của anh em trong gia đình, là sự thủy chung của lứa đôi qua sự tích trầu cau...)</i>
<i>Sự tích trầu cau</i>	<i>Đậm đà cái tích trầu cau Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người</i>	

\

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận

- Gv quan sát, gợi mở, cố vấn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

3. Tình cảm của nhà thơ dành cho

NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu về tình cảm của nhà thơ dành cho chuyện cổ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Đọc 4 câu thơ sau: “Đời cha ông với đời tôi Như con sông với chân trời đã xa Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” + Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó trong bốn câu thơ trên? + Từ đó hãy cho biết tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ đã được thể hiện như thế nào qua hai dòng thơ cuối? + Em biết được điều gì về lịch sử, văn hóa dân tộc...qua những câu chuyện cổ? (*)	chuyện cổ - So sánh: đời tôi (con sông) - đời cha ông (chân trời) -> Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, thế hệ cha ông đã trở thành quá khứ xa xôi - Ấn dụ: cho tôi nhận mặt ông cha -> Chính những câu chuyện cổ sẽ lưu giữ lại lịch sử, truyền thống văn hoá của dân tộc, là chiếc cầu nối để con cháu đời nay có thể hiểu về đất nước mình, cha ông mình từ đời sống vật chất, tinh thần, tâm hồn và tính cách, phong tục tập quán, quan niệm đạo đức, triết lí nhân sinh... - Tình cảm của nhà thơ: tình cảm thấm thiết, gắn bó sâu nặng, sự trân trọng, biết ơn những câu chuyện cổ.
--	---

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức (*): Hs có thể kể được: biết phong tục làm bánh chưng, bánh giày; biết về tục ăn trầu đặc biệt trong các đám cưới hỏi... NV4: Hướng dẫn Hs bày tỏ suy nghĩ của bản thân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Câu thơ "Tôi nghe chuyện cổ thăm thì/ Lời cha ông dạy cũng vì đời sau" gợi	4. Suy nghĩ của bản thân - "Tôi nghe chuyện cổ thăm thì Lời cha ông dạy cũng vì đời sau" - Những câu chuyện cổ là những bài học sâu sắc, có ý nghĩa sâu xa mà cha ông ta nhằm răn dạy con cháu phải biết sống đúng đạo lí, gìn giữ những giá trị văn hoá của dân tộc.
---	--

cho em suy nghĩ gì?

+ Hãy chia sẻ về một câu chuyện cổ đã tác động tích cực đến bản thân em?()*

+ Gv tổ chức một trò chơi nhỏ kết nối với phần Mở đầu: Những câu chuyện sau đã mang đến cho chúng ta bài học gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận

- Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

(*) Học sinh chia sẻ ý kiến của mình: có thể là một câu chuyện cổ tích, một truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyền

thuyết...	
-----------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

c. Sản phẩm học tập: Ô chữ, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

1									N	G	U	O	I	E	M
2						B	A	T	H	A	N	H			
3	T	H	U	O	N	G	T	H	A	N					
4				T	R	A	N	G	N	G	U	Y	E	N	
5	T	H	Ô	N	G	M	I	N	H						
6							T	R	A	U	C	A	U		
7					O	N	G	B	U	T					

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn hs củng cố bài học bằng trò chơi Ô chữ bí mật. Có 7 ô chữ hàng ngang và một từ khóa hàng dọc.	- Ô chữ hàng ngang: + Người em + Bất hạnh

Câu 1: Đây là nhân vật chăm chỉ, siêng năng nhưng thường chịu nhiều thiệt thòi trong gia đình, được chim đại bàng trả ơn? Câu 2: Đây là kiểu nhân vật trong truyện cổ tích Sọ Dừa? Câu 3: Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ: "Thương người như thế..." Câu 4: Em bé thông minh được phong làm gì sau khi vượt qua bốn thử thách? Câu 5: Đây là kiểu nhân vật trong truyện cổ tích Em bé thông minh? Câu 6: Đây là âu truyện nói về sự trân quý tình cảm anh em trong gia đình và đề cao tình cảm vợ chồng chung thủy, son sắt? Câu 7: Đây là nhân vật kì ảo thường xuất hiện để bảo vệ những người hiền lành nhưng yếu thế? - Từ khóa hàng dọc gợi cho em những suy nghĩ gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ	+ Thương thân + Trạng nguyên + Thông minh + Trầu cau + Ông Bụt - Ô chữ hàng dọc: Nhân hậu - Hs chia sẻ suy nghĩ của bản thân về từ khóa này (một bài học về đạo lí làm người mà ông cha gửi gắm...)
---	--

- Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv chốt lại kiến thức	
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nhận về đoạn thơ: <i>“Đời cha ông với đời tôi</i> <i>Như con sông với chân trời đã xa</i>	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cảm nhận về đoạn thơ Đoạn thơ trong văn bản <i>Chuyện cổ nước mình</i> để

<i>Chỉ còn chuyện cổ thiết tha</i> <i>Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	lại trong em vô vàn suy nghĩ. “Đời cha ông với đời tôi” là hai thế hệ đã xa. Hình ảnh so sánh con sông với chân trời không chỉ khiến lời thơ hàm súc mà dường như còn gửi gắm trong đó một nỗi niềm tiếc nuối cho thứ ta gọi là thế hệ. Khoảng cách thế hệ ấy có thể làm con người khác, con người đổi thay nhưng ở đó, ta vẫn thấy đẹp mãi, đẹp mãi đó là chuyện cổ. Chuyện cổ nghĩa tình yêu thương nhẹ nhàng, êm ả như lời dạy chân tình. Và mỗi người, “nhận mặt ông cha” nhưng sâu hơn thế là khám phá thế giới tâm hồn, tiếp nối thế hệ cha ông. Chúng ta của hôm nay sẽ trau dồi mình, sẽ nỗ lực và cố gắng ra sao để quê hương, để bài học trong chuyện cổ ấy mãi sáng ngời!
--	--

Tiết chủ đề: 5-6

Tiết PPCT: 48-49

CÂY TRE VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu

- Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp quê hương, đất nước

- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương; chăm chỉ, tích cực học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

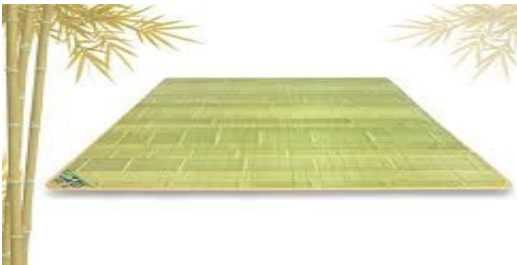
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d) **Tổ chức thực hiện:**





HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: Đọc diễn cảm đoạn thơ dưới đây và cho biết đoạn thơ nằm trong bài nào, được ai sáng tác. Chia sẻ với các bạn những hiểu biết của em về loài cây được nhắc đến trong bài thơ? (Trích đoạn tre Việt Nam nhé thầy cô) Cách 2: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm sẽ kể tên các sản phẩm từ tre/ họ hàng loài tre gắn liền với con người? (Gv kết hợp trình chiếu hình ảnh). Theo các em, trong các loại cây trên, cây nào gắn bó nhiều nhất với đời sống con người Việt Nam?	- Cách 1: Học sinh chia sẻ hiểu biết của mình về bài thơ: Bài Tre Việt Nam- Nguyễn Duy. Chia sẻ hiểu biết về cây tre: biểu trưng cho người VN, người nông dân, là loài cây có ích... - Cách 2: Hs kể tên được các sản phẩm: làm đồ chơi, làm đũa, cũi, nôi, chiếu, giường, cày, bừa, nhà, chống lũ lụt, làm giàn mướp, làm vũ khí... - Cách 3: + Cây Trạng nguyên

Cách 3: Đỗ vui về các loài cây	+ Cây bông lau
Câu 1: Bao năm kinh sử dùi mài	+ Cây giá đậu
Anh mong đỗ Trạng, xe về rước em?	+ Cây cau
Câu 2: Cây gì bông nở trắng phơi	+ Cây tre
Vua Đinh thuở nhỏ làm cờ chơi binh?	+ Cây phượng
Câu 3: Mình vàng lại mặc áo xanh	+ Cây xoan đào
Rủ nhau đi tắm ao làng mấy hôm	
Tắm xong ồm nghén nằm ườn	
Sinh ra đứa bé như con bạch xà?	
Câu 4: Cây gì thẳng tắp trước nhà	
Trái ngon dành tặng riêng bà, bà ơi?	
Câu 5: Cây gì mang dáng quê hương	
Thân chia từng đốt rợp đường em đi	
Mầm non dành tặng thiếu nhi	
Gắn vào huy hiệu em ghi tạc lòng?	
Câu 6: Hè về áo đỏ như son	
Hè đi thay lá xanh non mượt mà	
Câu 7: Cây gì Cuội vẫn ngồi chơi	
Nghêu ngao khúc hát ời ời gọi cha?	
Cây đa	

Câu 8: Cây gì chị Tấm hiện hình Để vua mắc võng thả mình trong mơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời - Gv tổ chức trò chơi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới: Quả thật không có loài cây nào mà có sự gắn bó mật thiết với con người Việt Nam, từ đời sống thường ngày đến chiến đấu như cây tre. Nhà văn Thép Mới đã có những trang văn rất tinh tế viết về cây tre. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu trang viết ấy với tựa đề “Cây tre Việt Nam”	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn cách đọc văn bản</i> + <i>GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</i> + <i>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chú thích</i> + <i>Tìm hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc 2. Chú thích - Nhũn nhặn - Giang - Đánh chết - Tầm vông - Thành đồng Tổ quốc 3. Tác giả, tác phẩm a. Tác giả - Họ tên: Hà Văn Lộc; - Năm sinh – năm mất: 1925 – 1991; - Quê quán: Nam Định - Là nhà văn, nhà báo nổi tiếng chuyên viết về đề tài Chiến

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam. b. Tác phẩm - VB <i>Cây tre Việt Nam</i> là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan. - Thể loại: bút ký chính luận trữ tình, giới thiệu phim tài liệu; - Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm;
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu

- Yêu nước, trách nhiệm

b. Nội dung: Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, thảo luận nhóm để hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ, sản phẩm thảo luận nhóm (tranh ảnh)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu vẻ đẹp của cây tre Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Tìm những chi tiết nói về hình dáng và phẩm chất của cây tre? + Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất, nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và	II. Khám phá văn bản 1. Vẻ đẹp của cây tre - Hình dáng + Mầm măng non mọc thẳng; + Màu xanh của tre tươi mà nhã nhặn; + Dáng tre vươn mọc mọc và thanh cao; - Phẩm chất + Tre có thể mọc xanh tốt ở mọi nơi; + Tre cứng cáp mà lại dẻo dai, vững chắc; + Tre là thẳng thắn, bất khuất “Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”,

thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu Cây tre- người bạn thân của nông dân, nhân dân Việt Nam Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Cách 1: GV phát PHT số 1 Cách 2: Gv sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép (giả định lớp có 32 học sinh, trường hợp nhiều hay ít hơn thầy cô linh hoạt công thức) Vòng 1: Nhóm chuyên gia (10 phút) Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm <i>Nhóm 1: Tìm hiểu Cây tre với đời sống vật chất và tinh thần của con người:</i> + <i>Tìm những chi tiết cho thấy cây tre với đời sống vật chất và tinh thần của</i>	- Nghệ thuật: nhân hóa → Tre là biểu tượng cao quý về phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam, đây là hình ảnh biểu trưng cao quý của dân tộc Việt. 2. Cây tre- người bạn thân của nông dân, nhân dân Việt Nam a. Cây tre với đời sống vật chất và tinh thần của con người - Cây tre gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần + Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. + Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. + Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. + Giang chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê cái thủa ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa.
---	--

<i>con người</i> + <i>Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất, nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?</i> <i>Nhóm 2: Tìm hiểu Cây tre trong chiến đấu:</i> + <i>Tìm những chi tiết cho thấy cây tre đồng hành với con người trong chiến đấu?</i> + <i>Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất, nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu cây tre với người nông dân</i> + <i>Tìm những chi tiết cho thấy cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam</i> + <i>Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất, nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?</i> <i>Nhóm 4: Tìm hiểu cây tre đồng hành với dân tộc trong hiện tại và tương lai:</i> + <i>Liệt kê những chi tiết tác giả bàn về vai trò của cây tre khi đất nước bước vào công nghiệp hóa?</i>	+ Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chặt bằng tre. + Tuổi già hút thuốc làm vui. Với chiếc điếu cày tre là khoan khoái. + Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy. - Nghệ thuật: nhân hóa → Tre như người bạn b. Cây tre trong chiến đấu - Tre đồng hành trong chiến đấu + Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc. + Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. + Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. + Tre hi sinh để bảo vệ con người. + Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu! - Nghệ thuật: Nhân hóa
---	--

+ Theo em hiện nay cây tre có còn là một hình ảnh thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam không? Vì sao? Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép (15 phút) - Hình thành 5 nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có 2 người cũ+ 6 người mới (2 người từ nhóm 2, 2 người nhóm 3, 2 người nhóm 4) - Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	→ Giá trị phép nhân hóa: Cây tre trở nên gần gũi, gần bó với con người, ca ngợi công lao và phẩm chất của tre. c. Cây tre với người nông dân - Tre là người bạn của nông dân + Bóng tre trùm lên <u>âu yếm làng, bản, xóm, thôn</u>; Tre <u>ăn ở với người</u> ; Tre, nứa, mai, vầu <u>giúp người trăm công nghìn việc</u>; Tre là người nhà. + Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. + Sống trong từng vật dụng bình dị nhất: cối xay, chẻ lạt, que chuyền, điều cày, nôi tre, giường tre, điều tre, sáo tre. - Nghệ thuật: Liệt kê, nhân hóa → Sự thân thuộc và lợi ích to lớn của tre d. Cây tre đồng hành với dân tộc trong hiện tại và tương lai - Tre vẫn là người bạn đồng hành của dân tộc ta trong hiện tại và tương lai: Tre xanh vẫn là bóng mát, tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình và tiếng
--	---

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu Cây tre- biểu tượng cao quý của người Việt Nam Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ GV phát PHT số 2: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học	sáo điều tre cao vút mãi. - Hiện nay, tuy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ nhưng cây tre vẫn là người bạn thân thuộc của con người Việt Nam: tre gắn bó với sinh hoạt hàng ngày như các sản phẩm mây tre đan, từ đôi đũa trong bữa ăn đến chiếc chiếu nằm nghỉ lưng, chiếc nón che nắng che mưa, tre không phải chống giặc ngoại xâm đôi lại chống thiên tai giúp con người... 3. Cây tre- biểu tượng cao quý của người Việt Nam - Sức sống mãnh liệt, bền bỉ - Giản dị - Thanh cao - Chung thủy - Cần cù - Ngay thẳng - Khiêm nhường - Chí khí, hiên ngang
---	--

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Bất khuất, kiên cường - Anh hùng trong lao động, chiến đấu => Vẻ đẹp, khí chất của cây tre cũng là vẻ đẹp, khí chất của con người Việt Nam
--	--

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung bài kí?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... → Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết. 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;
--	--

Cách tổng kết 2

PHT số ...

Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn

..

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Khắc nhập khắc xuất” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

c. Sản phẩm học tập: Thái độ khi tham gia trò chơi, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn hs củng cố bài học bằng trò chơi	
Câu 1: Văn bản “Cây tre Việt Nam” thuộc thể loại nào? A. Tiểu thuyết B. Kí C. Truyện ngắn D. Thơ Câu 2: Thép Mới là bút danh của nhà văn nào? A. Hà Văn Lộc B. Nguyễn Duy C. Võ Quảng	

D. Nguyễn Tuân

Câu 3: Từ "nhũn nhặn" trong câu “Dáng tre vườn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn” được hiểu là:

A. Thái độ khiêm tốn.

B. Thu mình lại, co cụm lại.

C. Thái độ nhún nhường.

D. Thái độ khiêm tốn, nhún nhường.

Câu 4: Cho biết nghĩa của thành ngữ “Nhắm mắt xuôi tay” trong câu "Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy” (Cây tre Việt Nam).

A. Buông xuôi, phó mặc

B. Không cần cố gắng nữa

C. Chấp nhận thất bại

D. Cái chết đến với mình

Câu 5. Câu nào dưới đây nói về văn bản Cây tre Việt Nam?

A. Là truyện ngắn đạt giải nhất trong cuộc thi viết về làng quê và con người Việt Nam.

B. Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.

C. Là kí sự của tác giả viết về cây tre Việt Nam.

D. Là tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

Câu 6. Trong đoạn trích, nguồn vui mà tre mang lại cho trẻ thơ là từ đâu?

A. Tre hát ru em bé trong giấc ngủ êm nồng.

B. Tạo tỏa bóng mát cho trẻ em nô đùa.

C. Nguyên liệu từ tre tạo ra que đánh chuyền.

D. Tre làm nên chiếc nôi đưa trẻ.

Câu 7. Người già dùng tre làm gì để tạo ra sự khoan khoái?

A. Chiếc cày để cày ruộng.

B. Chiếc võng để đựng đứa trong những trưa hè oi bức.

C. Chiếc cần câu để câu cá thư giãn.

D. Chiếc điều cày để hút thuốc.

Câu 8. Đoạn văn: “Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy” nói lên điều gì?

A. Sự gắn bó thủy chung của tre với con người trong suốt cả cuộc đời.

B. Sự tận tình của tre trong việc phục vụ con người.

C. Những phẩm chất cao quý của tre đối với con người.

D. Những đóng góp của tre cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Câu 9. Tác giả đã gọi tre là gì của con người trong kháng chiến?

A. Tre là bạn thân của con người.

B. Tre là đồng chí chiến đấu của con người.

C. Tre là đồng đội của con người.

D. Tre là cấp dưới của con người.

Câu 10. Trong chiến đấu, tre được sử dụng làm vũ khí gì?

A. Làm súng và làm chông.

B. Làm gậy tầm vông và làm súng,

C. Làm gậy tầm vông và làm chông.

D. Làm giáo mác và làm gậy tầm vông.

Câu 11. Trong bài viết, tác giả đã sử dụng rộng rãi biện pháp tu từ nào?

A. So sánh.

B. Ẩn dụ.

C. Hoán dụ.

D. Nhân hóa.

Câu 12. Câu nào dưới đây nói về lời văn trong đoạn trích trên?

A. Lời văn trau chuốt, giàu hình ảnh và gợi cảm.

B. Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu.

C. Lời văn gấp khúc, mạnh mẽ và lôi cuốn.

D. Lời văn sinh động, hấp dẫn.

Câu 13. Trong chiến đấu, tre đã tham gia vào những công việc gì?

A. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.

B. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.

C. Tre hi sinh để bảo vệ con người.

D. Cả ba câu A, B và C.

Câu 14: Phẩm chất nào sau đây không được dung để miêu tả cho cây tre?

A. Ngay thẳng

B. Can đảm

C. Thủy chung

D. Dịu dàng

Câu 15: Trong bài, tác giả đã miêu tả những phẩm chất nổi bật nào của cây tre?

A. Mang vẻ đẹp thanh thoát, dẻo dai

B. Có dáng thẳng thắn, bất khuất

C. Vẻ đẹp gần bó, thủy chung

D. Gồm 3 ý A, B, C

Câu 16. Từ nào không thể thay thế cho từ nhũn nhặn trong câu “... màu tre tươi nhũn nhặn”?

A. Giản dị

B. Bình dị

C. Bình thường

D. Khiêm nhường

Câu 17: Loại cây nào không còn phù hợp với họ cây tre?

A. Trúc

B. Mai

C. Vầu

D. Mây

D. Cả ba câu A, B, C

Câu 18: Trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam, tre là:

A. Là chỗ dựa tinh thần vững chãi

B. Là chỗ che nắng che mưa

C. tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hàng ngày

D. Cả ba ý đều sai

Câu 19: Ý nào sau đây đúng với thành ngữ “Tre già măng mọc”

A. Thế hệ đi trước đã sáng tạo nên thành quả, thế hệ đi sau tiếp bước, phát triển thành quả ấy

B. Cây tre già đi thì cây măng sẽ mọc lên thay thế cây tre

C. Măng khỏe hơn nên sẽ hút hết chất dinh dưỡng của tre

D. Cả A và B đúng

Câu 20: Điền từ còn thiếu vào câu sau “Nước Việt Nam xanh muôn vàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng...nhất vẫn là tre nứa”

A. Quen thuộc B. Thân quen C. Thân Thuộc D. Thân Mật	
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ - Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv chốt lại kiến thức	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết một đoạn văn từ 7-10 câu trình bày cảm nhận của em về cây tre?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cảm nhận về cây tre Tre xanh xanh tự bao giờ Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh Từ lâu tre đã trở thành người bạn của ng dân Việt Nam , là biểu tượng cho những phẩm chất của con người Việt Nam : nhũn nhặn , đoàn kết , thủy chung , bất khuất ... Tre thường mọc gần nhau theo khóm tạo thành những lũy tre xanh rì rào trong gió. Từ bao đời nay, tre mọc luôn đứng cạnh nhau chứ không hề riêng lẻ. Nó cũng giống như tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam vậy. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước, tre cũng gắn bó cùng dân tộc. Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta... Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù... Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Chính trong hoàn cảnh chiến đấu, tre bộc lộ nhiều phẩm chất cao quý khác:
---	--

thẳng thẳng, bất khuất Trúc dầu cháy,
đốt ngay vẫn thẳng. Tre lại vì ta mà
cùng ta đánh giặc. Dù bất cứ chỗ nào,
đất có cằn cỗi bao nhiêu thì tre vẫn cứ
vươn lên xanh tốt giống như tinh thần
vươn lên trước mọi khó khăn thử
thách trong cuộc sống của người dân
lao động. Yêu sao cây tre Việt
Nam. Tre không khác gì một người
bạn của con người và cũng là hiện

b. Cây tre trong chiến đấu tính con người Việt
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

a. Cây tre với đời sống vật chất và tinh thần của con người

c. Cây tre với người nông dân

Cây tre là bạn
thân của nông
dân, người dân



với các công nghệ hiện
tại và tương lai

[illegible]

(The page contains horizontal ruling lines.)

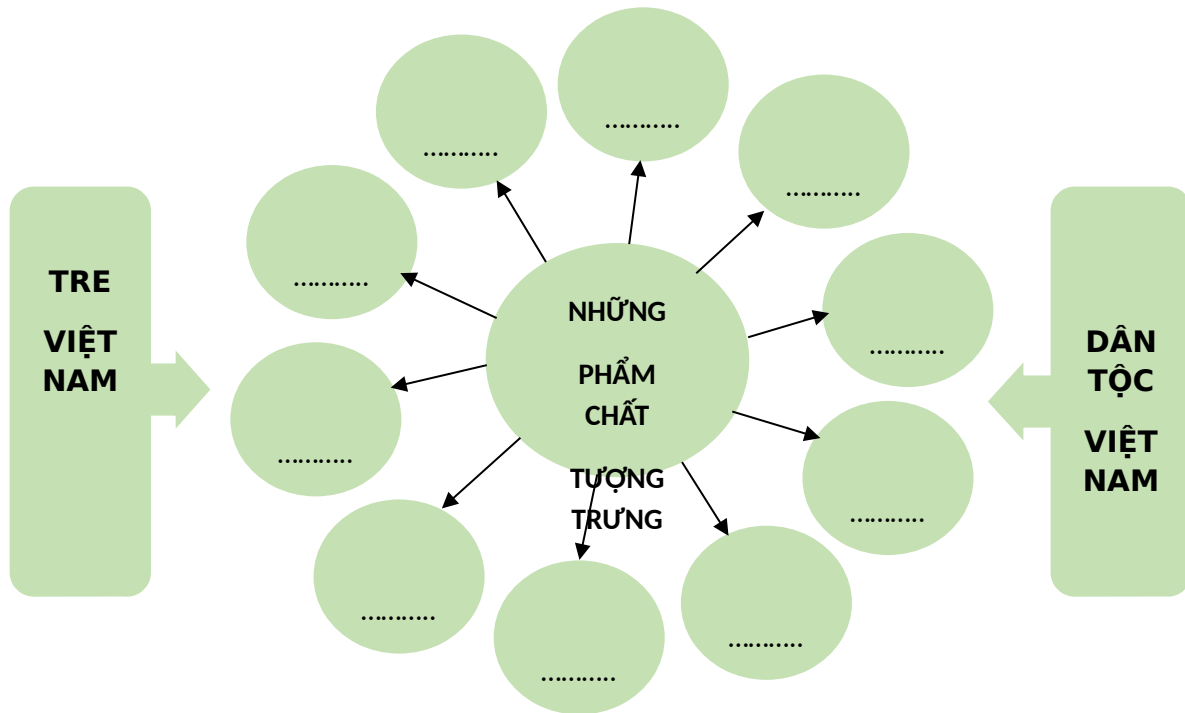
c. Cây tre với người nông dân

[illegible]

(This area contains horizontal ruling lines.)

PHT số 2

Hoàn thiện sơ đồ theo mẫu để làm rõ phẩm chất tượng trưng tốt đẹp được con người gán cho cây tre khiến nó trở thành biểu tượng cao quý của dân tộc Việt Nam



Tiết chủ đề: 7

Tiết PPCT: 50

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biện pháp tu từ hoán dụ, tác dụng của biện pháp tu từ này
- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;
- Nhận biết và giải nghĩa ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: <i>Bàn tay ta làm nên tất cả Có sức người sỏi đá cũng thành cơm</i> (Bài ca vỡ đất – Hoàng Trung Thông) Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	

hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động; ở đây nhà thơ đã lấy cái bộ phận để thay thế cho cái toàn thể. Đó chính là một trong những dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ.	
---	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp tu từ hoán dụ

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Hoán dụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp: + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể; + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng; + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật; + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ hoán dụ.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. Bài tập Bài tập 1 SGK trang 99 – 100

- GV yêu cầu HS: + Hoàn thành trước các bài tập 1, bài tập 3 SGK trang 99 – 100; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 2 SGK trang 100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	a. <i>Nhắm mắt xuôi tay</i> → nói đến cái chết. b. <i>Mái nhà tranh, đồng lúa chín</i> → thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung. c. <i>Áo cơm cửa nhà</i> → nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. Bài tập 2 SGK trang 100 a. - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa <i>Đời cha ông</i> với <i>đời tôi</i> cũng xa như <i>con sông</i> với <i>chân trời</i>. → Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách. b. - Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre chống lại sắt thép quân thù; Tre xung phong vào xe tăng đại bác. → Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người. Bài tập 3 SGK trang 100 <i>Đẽo cày theo ý người ta</i>
---	---

- GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	<i>Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i> → Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường; → Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Tre già măng mọc là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài Cây tre Việt Nam, hãy viết một đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cách hiểu Ý nghĩa thành ngữ tre già măng mọc có nghĩa là Thế hệ trước sẽ đào tạo thế hệ sau để thế hệ sau có kinh nghiệm và phát triển những gì mà thế hệ trước đã tạo ra và sau đó sẽ truyền lại cho thế hệ sau nữa, cứ thế cứ thế mà thế hệ trẻ luôn kế thừa và sẽ phát huy nó. Tre

- HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	và măng luôn mọc gần nhau vì thế tre già luôn che chở và bảo vệ măng tránh ánh nắng mặt trời để cho măng lớn và phát triển. Hình ảnh tre và măng tựa vào nhau và cứ thế cứ thế thế hệ này sẽ tiếp nối thế hệ trước để phát huy.
--	--

Tiết chủ đề: 8-9

Tiết PPCT: 51-52

VIẾT

TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT VÀ VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Yêu cầu về bài thơ lục bát.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận dạng được một số yếu tố thơ lục bát về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Nhận biết hình thức, nội dung của đoạn văn
- Biết cách phân tích văn bản mẫu
- Nhận biết được quy trình viết

3. Về phẩm chất:

- Yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video
- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Gv trình chiếu hình ảnh cây xanh trước và sau khi được cắt tỉa để học sinh có hình dung về văn bản trước và sau khi tóm tắt

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Em hãy đọc một bài/ đoạn thơ lục bát mà em thích? Vì sao em lại thích bài thơ/ đoạn thơ đó?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ	- Học sinh đọc và chia sẻ

- HS suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới:

Những bài/ đoạn thơ lục bát mà các con vừa đọc đều mang cái hay riêng. Có bài thì nội dung lãng động, đa diết; có bài thì hình ảnh thơ độc đáo, thú vị...? Các con có bao giờ đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để làm được một bài thơ lục bát chưa? Vậy thì tiết học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cách làm một bài thơ lục bát nhé.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Làm một bài thơ lục bát

a. Mục tiêu:

- Nhận dạng được một số yếu tố thơ lục bát về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ.

- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát;

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu về một bài thơ lục bát; đọc và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Em hãy cho biết khi làm một bài thơ lục bát cần phải đảm bảo những yêu cầu nào? + Gv phát PHT số 1, học sinh làm việc nhóm đôi - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	I. Làm một bài thơ lục bát 1. Yêu cầu về một bài thơ lục bát - Về nội dung: Một bài thơ lục bát có nội dung hay là nội dung đó thể hiện được một cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị về cuộc sống. - Về hình thức: + Ngôn ngữ: Hàm súc, gợi hình, gợi cảm. + Sử dụng hài hoà các BPNT như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ...tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị. + Cách gieo vần, nhịp điệu: Theo quy luật của thơ.

luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo																																																												
PHT số 1 Ví dụ: Việt Nam đất nước ta ơi Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn Cánh cò bay là rập rờn Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều <table><tr><td>Tiếng</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>Nhịp thơ</td></tr><tr><td>Câu</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>lục</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>bát</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>lục</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>bát</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Nhận xét: - Số dòng, số tiếng:		Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp thơ	Câu										lục										bát										lục										bát									
Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp thơ																																																				
Câu																																																													
lục																																																													
bát																																																													
lục																																																													
bát																																																													

- Gieo vần:

- Nhịp thơ

Dự kiến sản phẩm

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp thơ
lục	-	Nam (bằng: thanh ngang)	-	nước (trắc: thanh hỏi)	-	ơ (bằng: thanh huyền) (vần: ơi)			2/2/2
bát	-	mông (bằng: thanh ngang)	-	lúa (trắc: thanh sắc)	-	Trời (bằng: thanh ngang) (vần: ông)	-	hơn (bằng: thanh huyền) (vần: ƠN)	2/2/2/2
lục	-	cò (bằng: thanh ngang)	-	Lả (trắc: thanh nặng)	-	rờn (bằng: thanh huyền) (vần: ƠN)			2/2/2
bát	-	mờ (bằng: thanh ngang)	-	đỉnh (trắc: thanh hỏi)	-	sơn (bằng: thanh huyền) (vần: ƠN)	-	chiều (bằng: thanh ngang)	2/2/2/2

Nhận xét:

- Số dòng, số tiếng: 4 (chẵn; dòng lục có 6 tiếng; dòng bát có 8 tiếng)

- Gieo vần: tiếng cuối của câu lục với tiếng 6 của câu bát. Tiếng 6 của câu bát với tiếng

6 của câu lục tiếp theo.

- Nhịp thơ: Nhịp chẵn

+ Câu lục: 2/2/2

+ Câu bát: 2/2/2/2

NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước khởi động viết

* Bước khởi động viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

+ Gv chiếu 2 ví dụ và yêu cầu học sinh điền từ còn thiếu vào chỗ trống

a.

Tiếng chim vách núi nhỏ dần

Rì rầm tiếng suối khi...khi xa

Ngoài thềm rơi chiếc lá...

Tiếng rơi rất mỏng như...rơi nghiêng

b.

Chăn trâu đốt lửa trên đồng

Rạ rơm thì ít, gió... thì nhiều

Mải mê đuổi một cánh...

3. Thực hành viết theo các bước

a. Khởi động viết

* Tập gieo vần

a. gần- đa- là

b. đông- điều- chiều

* Xác định đề tài

Đề tài gợi cho em nhiều cảm xúc: quê hương, gia đình, bạn bè, thầy cô...

<i>Củ khoai nướng để cả... thành tro.</i> + Em sẽ chọn đề tài nào để làm bài thơ lục bát? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV2: Hướng dẫn Hs thực hành viết và chỉnh sửa Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV trình chiếu và phát bảng kiểm số 1 cho học sinh	b. Thực hành viết - Học sinh làm thơ - Hoàn thiện PHT c. Chỉnh sửa và chia sẻ - Đọc diễn cảm bài thơ theo đúng giọng điệu. - Dùng bảng kiểm để kiểm tra và sửa lại bài thơ đảm bảo
--	--

+ Yêu cầu học sinh làm thơ lục bát dựa theo các tiêu chí bảng kiểm + Sau khi làm xong, lần lượt điền các tiếng vào PHT số 3 + Dùng bảng kiểm số 2 để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn: Học sinh đọc lại các câu thơ xem đã đảm bảo các yêu cầu: cách gieo vần; phối hợp thanh điệu, ngắt nhịp, đã diễn đạt trọn vẹn ý tưởng và cảm xúc chưa; nếu chưa thì điều chỉnh, thay thế. Bài thơ có sử dụng các biện pháp tu từ không... - HS đọc, quan sát, suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS đọc sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung sản phẩm của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	đúng luật của thể thơ lục bát.
---	---------------------------------------

- GV nhận xét, khích lệ học sinh	
----------------------------------	--

Hoạt động 2: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

a. Mục tiêu:

- Biết cách phân tích văn bản mẫu
- Nhận biết được quy trình viết
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Chăm chỉ: tích cực học tập;
- Yêu nước: trân trọng, yêu mến các tác phẩm văn học dân tộc

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Theo em, yêu cầu đối với khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát là gì? + GV yêu cầu HS quan sát đoạn văn trang 78-SGK và hoàn thiện PHT số 1 (Làm việc nhóm đôi) (*)	II. Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát 1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát - Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát. - Giới thiệu bài thơ, tác giả - Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ

Đặc điểm đoạn văn	Biểu hiện	- Thể hiện được cảm nhận của về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...)
Cảm xúc		
Nội dung mở đoạn		
Thân đoạn		
Nội dung kết đoạn		
+ Rút ra những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv bổ sung, nhận xét (*)		
Đặc điểm đoạn văn	Biểu hiện	
Nội dung mở	Giới thiệu bài	

2. Đọc và phân tích bài viết mẫu

- Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát: Nét đẹp bài cao dao *Anh đi anh nhớ quê nhà...*

+ Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.

+ Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về bài thơ

. Cảm xúc về nội dung chính

. Ý nghĩa, chủ đề của bài thơ

. Nêu cảm nhận về một số hình thức nghệ thuật của bài thơ.

+ Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.

đoạn, cảm xúc chủ đạo	ca dao	
Thân đoạn	Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài - Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao	
Nội dung kết đoạn	Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.	
NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước Trước khi viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ GV nêu đề bài: <i>Những bài thơ lục bát đã học, đã đọc gợi cho em những cảm xúc gì? Hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu của chúng khiến em rung động như thế nào? Hãy ghi lại cảm nhận của em về một bài thơ</i>		
3. Thực hành viết theo các bước a. Trước khi viết. * Xác định mục đích viết, người đọc - Mục đích: bày tỏ cảm xúc về bài thơ lục bát - Người đọc: Thầy cô, bạn bè, người thân		

<i>lục bát yêu thích.</i> + <i>Xác định mục đích viết, người đọc?</i> + <i>Em dự định lựa chọn bài thơ, hay bài ca dao nào?</i> + <i>Gv phát PHT số... để hướng dẫn học sinh tìm ý</i> + <i>Gv phát PHT số... để hướng dẫn học sinh lập dàn ý</i> - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv bổ sung, nhận xét NV 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước Viết bài và Chỉnh sửa bài viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	* Lựa chọn bài thơ lục bát - Ca dao khuyết danh - Một sáng tác của nhà thơ * Tìm ý, lập dàn ý - Tìm ý - Ghi những suy nghĩ, cảm xúc - Cảm nhận chung khi đọc bài thơ? Bài thơ biểu hiện những điều gì? Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào nổi bật... * Lập dàn ý: Theo PHT số... b. Viết bài Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn
--	--

- GV chuyển giao nhiệm vụ + Gv phát / trình chiếu bảng kiểm số 2 Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát. + Dùng bảng kiểm số 2 để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv bổ sung, nhận xét	chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát c. <i>Chỉnh sửa bài viết</i>
--	--

PHT số 2

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp thơ
lục		thanh:		thanh:		thanh: vần:			
bát		thanh:		thanh:		thanh: vần:		thanh: vần:	
lục		thanh:		thanh:		thanh: vần:			
bát		thanh:		thanh:		thanh: vần:		thanh: vần:	

Bảng kiểm hình thức và nội dung thơ lục bát (số 1)

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Hình thức	Bài thơ gồm các dòng lục(sáu tiếng) và dòng bát (tám tiếng xen kẽ)	
	Các dòng thơ chủ yếu được ngắt nhịp chẵn.	
	Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó	
	Tiếng thứ tám dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục kế tiếp.	
	Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ...	
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói	
	Các hình ảnh sống động, thú vị	
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống...	

Mở đoạn

Tên bài thơ, tên tác giả
.....

Cảm xúc chung về bài thơ
.....

Thân đoạn

Cảm xúc thứ nhất
.....

Bằng chứng
.....

Cảm xúc thứ hai
.....

Bằng chứng
.....

Khẳng định lại cảm xúc

Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân

Kết đoạn

Ho và tên:

Nhan đề bài th

Em có cảm xúc gì khi đọc bài thơ?

Nội dung của l

Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân

PHT số 4

Sơ đồ viết đoạn văn

Mở
đoạn

Tên bài thơ, tên tác giả

Cảm xúc chung về bài thơ

Thân
đoạn

Cảm xúc thứ nhất
Bằng chứng

Cảm xúc thứ hai
Bằng chứng

Kết
đoạn

Khẳng định lại cảm xúc

Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân

Bảng kiểm số 2

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	- Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. - Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	- Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. - Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	- Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. - Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

Bảng kiểm số 2

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	- Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. - Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	- Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. - Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	- Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. - Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

Tiết chủ đề: 10-11

NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết cách bày tỏ suy nghĩ về tình cảm đối với quê hương

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Biết nói bài viết bảo đảm các bước: xác định đề tài, người nghe, mục đích; tìm ý và lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá
- Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người đối với quê hương

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2,
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề để học sinh tìm hiểu quy trình nói; sử dụng bảng kiểm để đánh giá

c) Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chiếu video bài hát “Quê hương” - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	- Hs trả lời dựa trên trải nghiệm cá nhân

- HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày trải nghiệm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:	
--	--

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người đối với quê hương

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

NV1: Hướng dẫn Hs chuẩn bị trước khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. + GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói bằng PHT số 1 PHT số 1 <table border="1" data-bbox="191 898 800 1759"> <tr> <td>Khái quát về vị trí, tầm quan trọng của tình cảm đối với quê hương trong mỗi con người</td><td></td></tr> <tr> <td>Biểu hiện cụ thể về tình cảm đối với quê hương (với ai? Đối tượng nào?)</td><td></td></tr> <tr> <td>Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người</td><td></td></tr> <tr> <td>Em có biết câu thơ, ca dao, lời bài hát nào về quê hương</td><td></td></tr> <tr> <td>Em dự định sử dụng phương tiện nào để hỗ trợ bài nói</td><td></td></tr> </table> + GV hướng dẫn HS luyện nói theo	Khái quát về vị trí, tầm quan trọng của tình cảm đối với quê hương trong mỗi con người		Biểu hiện cụ thể về tình cảm đối với quê hương (với ai? Đối tượng nào?)		Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người		Em có biết câu thơ, ca dao, lời bài hát nào về quê hương		Em dự định sử dụng phương tiện nào để hỗ trợ bài nói		1.Trước khi nói a. Chuẩn bị nội dung nói <table border="1" data-bbox="831 352 1440 1894"> <tr> <td>Khái quát về vị trí, tầm quan trọng của tình cảm đối với quê hương trong mỗi con người</td><td> - Quê hương là nơi thân thuộc nhất của mỗi con người - Tình cảm dành cho quê hương là tình cảm thiêng liêng nhất... </td></tr> <tr> <td>Biểu hiện cụ thể về tình cảm đối với quê hương (với ai? Đối tượng nào?)</td><td> - Tình cảm đối với người thân thiết, bà con hàng xóm, những người bạn mới, cũ... - Phong cảnh thiên nhiên (danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, cánh đồng, bờ đê, cây đa...) - Phong tục, tập quán, lễ hội, hoạt động phong trào... - Món ăn dân dã, đặc sản mang hương vị quê hương </td></tr> <tr> <td>Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người</td><td>- Giúp con người sống tốt hơn, nâng đỡ tâm hồn con người; là động lực để mỗi người luôn có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân...</td></tr> <tr> <td>Em có biết câu thơ, ca dao, lời bài hát nào về quê hương</td><td> - Quê hương mỗi người chỉ một - Như là chỉ một mẹ thôi - Quê hương nếu ai không nhớ - Sẽ không lớn nổi thành người ... </td></tr> <tr> <td>Em dự định sử dụng phương tiện</td><td>- Một kỉ vật, một bức hình về quê hương, một món ăn quê</td></tr> </table>	Khái quát về vị trí, tầm quan trọng của tình cảm đối với quê hương trong mỗi con người	- Quê hương là nơi thân thuộc nhất của mỗi con người - Tình cảm dành cho quê hương là tình cảm thiêng liêng nhất...	Biểu hiện cụ thể về tình cảm đối với quê hương (với ai? Đối tượng nào?)	- Tình cảm đối với người thân thiết, bà con hàng xóm, những người bạn mới, cũ... - Phong cảnh thiên nhiên (danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, cánh đồng, bờ đê, cây đa...) - Phong tục, tập quán, lễ hội, hoạt động phong trào... - Món ăn dân dã, đặc sản mang hương vị quê hương	Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người	- Giúp con người sống tốt hơn, nâng đỡ tâm hồn con người; là động lực để mỗi người luôn có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân...	Em có biết câu thơ, ca dao, lời bài hát nào về quê hương	- Quê hương mỗi người chỉ một - Như là chỉ một mẹ thôi - Quê hương nếu ai không nhớ - Sẽ không lớn nổi thành người ...	Em dự định sử dụng phương tiện	- Một kỉ vật, một bức hình về quê hương, một món ăn quê
Khái quát về vị trí, tầm quan trọng của tình cảm đối với quê hương trong mỗi con người																					
Biểu hiện cụ thể về tình cảm đối với quê hương (với ai? Đối tượng nào?)																					
Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người																					
Em có biết câu thơ, ca dao, lời bài hát nào về quê hương																					
Em dự định sử dụng phương tiện nào để hỗ trợ bài nói																					
Khái quát về vị trí, tầm quan trọng của tình cảm đối với quê hương trong mỗi con người	- Quê hương là nơi thân thuộc nhất của mỗi con người - Tình cảm dành cho quê hương là tình cảm thiêng liêng nhất...																				
Biểu hiện cụ thể về tình cảm đối với quê hương (với ai? Đối tượng nào?)	- Tình cảm đối với người thân thiết, bà con hàng xóm, những người bạn mới, cũ... - Phong cảnh thiên nhiên (danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, cánh đồng, bờ đê, cây đa...) - Phong tục, tập quán, lễ hội, hoạt động phong trào... - Món ăn dân dã, đặc sản mang hương vị quê hương																				
Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người	- Giúp con người sống tốt hơn, nâng đỡ tâm hồn con người; là động lực để mỗi người luôn có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân...																				
Em có biết câu thơ, ca dao, lời bài hát nào về quê hương	- Quê hương mỗi người chỉ một - Như là chỉ một mẹ thôi - Quê hương nếu ai không nhớ - Sẽ không lớn nổi thành người ...																				
Em dự định sử dụng phương tiện	- Một kỉ vật, một bức hình về quê hương, một món ăn quê																				

nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV2: Hướng dẫn Hs trình bày bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Nhắc học sinh một số lưu ý + Gv gọi một số học sinh trình bày trước	<table border="1"> <tr> <td>nào để hỗ trợ bài nói</td><td>hương, một bài hát về quê hương...</td></tr> </table> b. Tập luyện	nào để hỗ trợ bài nói	hương, một bài hát về quê hương...
nào để hỗ trợ bài nói	hương, một bài hát về quê hương...		
	2. Trình bày bài nói - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói. - Bám sát vào mục đích nói, có thể nói về tình cảm gắn bó của con người nói chung, có thể liên hệ với chính bản thân		

lớp + Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài nói của bạn (có thể dùng nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn) - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV3: Tìm hiểu bước sau khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	mình. - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp - Có thể sử dụng các ghi chú - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh, kĩ vật...) 3. Sau khi nói
---	---

- Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu đánh giá theo tiêu chí và nhận xét bài nói của bạn</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Gv quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trao đổi - Gv tổ chức hoạt động Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
NHÓM:			
TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Nói to; nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin; mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe; biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.
TỔNG ĐIỂM:/10 ĐIỂM			

Tiết chủ đề: 12

Tiết PPCT: 55

CỦNG CỐ , MỞ RỘNG THỰC HÀNH ĐỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Ôn tập lại các kiến thức đã học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề
- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát trong các bài thơ, ca dao
- Viết được đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát
- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng những vẻ đẹp quê hương, đất nước; yêu mến các tác phẩm văn học của đất nước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Khám phá ba miền”

c) Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Khám phá ba miền”. Có một chuyến xe bus sẽ chở các em khám phá đất nước. Để được lên xe, các em phải trả lời đúng câu hỏi? Câu 1: Bài thơ “Chuyện cổ nước mình được viết theo thể thơ nào? Lục bát Câu 2: Câu 2: “Canh gà” trong câu “Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương được hiểu là? Tiếng gà báo canh Câu 3: Cụm từ “mặt gương Tây Hồ” trong câu “Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ” đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Ẩn dụ Câu 4: “Cây tre Việt Nam” được viết theo thể loại nào? Ký Câu 5: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau:	

“...có núi Vọng Phu Có đầm Thị Nại có cù lao xanh” Bình Định Câu 6: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau: ...có suối dải vàng Có hồ Ba Bể, có nàng áo xanh Bắc Kạn Câu 7: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau: ...gạo trắng nước trong Ai đi đến đó lòng không muốn về Cần Thơ Câu 8: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau: Đồng...cò bay thẳng cánh Nước...lấp lánh cá tôm Ai đi Châu Đốc, Nam Vang Ghé qua...bạt ngàn bông sen Đồng Tháp Câu 9: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau: Ai lên...thì lên Lên non Cổ Tích, lên đền Hùng Vương Phú Thọ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	
--	--

- Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề
- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát trong các bài thơ, ca dao
- Viết được đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát
- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn làm bài tập 1 Câu 1. Kẽ vào bảng theo mẫu sau và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản đã học:			
Bảng 1			
Đặc điểm/Văn bản	Chùm ca dao về quê hương đất nước	Chuyện cổ nước mình	Cây tre Việt Nam
Biện pháp tu từ nổi bật			

Tình cảm, cảm xúc của tác giả			
Dự kiến sản phẩm			
Đặc điểm/Văn bản	Chùm ca dao về quê hương đất nước	Chuyện cổ nước mình	Cây tre Việt Nam
Biện pháp tu từ nổi bật	Ẩn dụ	So sánh, ẩn dụ	Nhân hóa, điệp ngữ
Tình cảm, cảm xúc của tác giả	Tình yêu quê hương, đất nước, lòng yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau.	Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.	Bài văn đã thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre - một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam.
Câu 2: Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát 1. Bài Yêu lắm quê hương - Hoàng Thanh Tâm Em yêu từng sợi nắng cong Bức tranh thủy mặc dòng sông con đò Em yêu chao liệng cánh cò Cánh đồng mùa gặt lượn lờ vàng ươm Em yêu khói bếp vương vương			

Xám màu mái lá mấy tầng mây cao
Em yêu mơ ước đủ màu
Cầu vồng ẩn hiện mưa rào vừa qua
Em yêu câu hát ơi à
Mồ hôi cha mẹ mặn mà sớm trưa
Em yêu cánh võng đong đưa
Cánh diều no gió chiều chưa muốn về
Đàn trâu thong thả đường quê
Chon von lá hát vọng về cỏ lau
Trăng lên lốm đốm hạt sao
Gió sông rười rượi hoa màu thiên nhiên
Em đi cuối đất cùng miền
Yêu quê yêu đất gắn liền bước chân.

2. Bài Quê hương – Phan Thị Hạnh

Chim còn có tổ có tông
Người sao chẳng nhớ non sông cội nguồn
Quê hương xa cách thấy buồn
Lời ru điệu hát hỡi còn trong tâm

Hái dâu vắt vả chần tằm
Nhả tơ óng mượt trắng rằm ước ao
Lũy tre bến nước cầu ao
Nhớ hoài đối đáp ca dao tâm tình

Yêu sao giọt nắng lung linh

Áo dài tha thướt tươi xinh dịu hiền
Thương luôn giọng cả ba miền
Đều mang âm sắc nỗi niềm yêu thương

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU)

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát trong các bài thơ, ca dao
- Viết được đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát

b. Nội dung: Gv cho bài thơ “Đồng sông mặc áo”, học sinh chỉ ra đặc điểm của bài thơ và viết đoạn văn trình bày cảm xúc về bài thơ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm, đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm thể loại thơ lục bát trong bài thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Hoàn thiện PHT để thấy được đặc điểm của thể loại thơ lục bát trong bài	1. Đặc điểm của thể loại thơ lục bát trong bài thơ

ca dao	
PHT số	
Đặc điểm của thể thơ lục bát	Thể hiện trong bài ca dao
Số dòng thơ	
Phối hợp thanh điệu	
Số tiếng trong từng dòng	
Vần trong các dòng thơ	
Nhịp thơ	
Biện pháp tu từ	
DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Đặc điểm của thể thơ lục bát	Thể hiện trong bài ca dao
Số dòng thơ	26 dòng (13 dòng lục, 13 dòng bát)
Phối hợp thanh điệu	Dòng lục: B-T-B; Dòng bát: B-T-B-B
Số tiếng trong từng dòng	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng

Vần trong các dòng thơ	Trời- đời; hoa-xa-ra; màu- sâu;...
Nhịp thơ	Dòng lục: 2/2/2; Dòng bát: 4/4, 2/2/2/2
...	
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời, viết đoạn văn - Gv lắng nghe, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs báo cáo kết quả - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vẻ đẹp của quê hương, đất nước Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	2. Vẻ đẹp của quê hương, đất nước - Không gian + Nơi thăm thăm rừng sâu + Nơi bờ biển sóng trào

- Gv chuyển giao nhiệm vụ + Gv phát PHT số 2 + Từ hành trình của bày ong, nhà thơ gửi đến thông điệp gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời, viết đoạn văn - Gv lắng nghe, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs báo cáo kết quả - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	+ Nơi quần đảo khơi xa + Rừng hoang, biển xa → Địa điểm khắp mọi miền đất nước, mở ra không gian vô tận. - Thời gian: + Trọn đời + Vô tận → Thời gian liên tục, không ngừng nghỉ - Hình ảnh: + Bập bùng hoa chuối + trắng trời hoa ban + bờ biển sóng tràn +Hàng cây dữu dàng → Hình ảnh tươi đẹp, sinh động, căng tràn sức sống - Nghệ thuật: + Đảo ngữ + sử dụng nhiều từ láy, tính từ, + điệp từ, điệp cấu trúc, ... => Sự cẩn mẫn, chăm chỉ của bày ong => Từ hành trình của bày ong, nhà thơ muốn gửi đến người đọc thông điệp:
--	---

	hãy tạo dựng cho mình một cuộc sống có ý nghĩa, có ích; sống là cống hiến, mang đến “hương thơm mật ngọt” cho đời.
--	--

Bảng kiểm câu 4

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	- Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. - Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	- Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. - Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	- Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. - Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

PHT SỐ 2

Hoàn thiện PHT để thấy được vẻ đẹp của quê hương đất nước và thông điệp của tác giả

Không gian

Thời gian

Hình ảnh

Nghệ thuật

thuậtthu

ât=

Thông điệp của tác giả:

Tiết chủ đề: 1

Tiết PPCT: 56

BÀI 5

BÀI 5: NHỮNG Nẻo ĐƯỜNG XỨ SỞ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm thể kí (Du kí)
- Dấu ngoặc kép
- Vẻ đẹp quê hương, đất nước

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;
- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt);
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt;

- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến;

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh nghe bài hát “Việt Nam quê hương tôi” và chia sẻ cảm nhận

c) Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Giáo viên cho học sinh nghe bài hát “Việt Nam quê hương tôi”. Giai điệu bài hát khơi dậy trong em cảm xúc gì? Em thấy đất nước mình hiện lên như thế nào qua bài hát?</i>	- Học sinh lắng nghe, chia sẻ cảm xúc của mình + Cảm xúc: niềm tự hào, xúc động, tình yêu quê hương đất nước... + Đất nước: muôn màu muôn

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs lắng nghe, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài Có lẽ các con cũng như cô, khi nghe bài hát này trong lòng bỗng trào dâng niềm tự hào, xúc động về vẻ đẹp của mọi miền trên đất nước, từ miền núi đến hải đảo xa xôi, từ Nam ra Bắc với hình ảnh con thuyền, ruộng bậc thang, đồi chè, biển đảo thiêng liêng, những danh lam thắng cảnh... Và hôm nay, chúng ta phải cảm ơn vì các tác giả của bộ sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống đã dành riêng một chủ đề để kết nối các em với các miền đất gần xa của quê hương đất nước mình.	vẻ, từ miền ngược, miền xuôi, biển đảo, đồi núi, Bắc Nam...
--	--

Chủ đề có tên “Những nẻo đường xứ sở”	
---------------------------------------	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu:

- Vẻ đẹp quê hương
- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp quê hương, đất nước

b. Nội dung: Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv yêu cầu học sinh đọc câu thơ đề từ và đoạn giới thiệu bài học và hỏi:</i> + <i>Chủ đề của bài học là gì? Em có cảm xúc gì khi đọc câu thơ đề từ?</i> + <i>Chủ đề này được thể hiện chủ yếu qua thể loại nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	I. Tìm hiểu giới thiệu bài học - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Những nẻo đường xứ sở” - Thể loại: kí văn học

nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung và định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;

b. Nội dung: Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm PHT của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về thể loại kí Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm đôi	II. Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn Kí - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật;

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: + <i>Trình bày hiểu biết về thể kí và du kí?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở (nhắc lại về thanh điệu bằng (B), trắc (T)) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt ý	- Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc; - Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. Du kí - Du kí là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Bài 1: Trắc nghiệm: Tổ chức bằng hình thức
“Rung chuông vàng”

1. Ký là một loại tác phẩm văn học chú trọng điều gì?

A. Ghi lại một sự kiện quan trọng diễn ra trong ngày

B. Ghi chép sự thực

C. Ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất các xứ sở nào đó đó

D. Ghi chép lại các sự kiện theo thứ tự thời gian, chú ý đến các sự kiện mang tính chất tiêu sử

2. Sự việc trong ký thường được kể theo trình tự nào?

A. Kể theo trình tự thời gian

B. Kể theo diễn biến của câu chuyện

C. Kể theo quá trình hình thành tính cách của các nhân vật trong tương quang với hoàn cảnh

D. Kể theo diễn biến tâm lý của nhân vật

3. Ba trong ký ý tác giả có thể Xưng tôi với vai trò gì?

A. người chứng kiến

B. người quan sát

C. người kể chuyện

D. người thuyết minh

4. Ký thường viết về vấn đề gì?

A. Ký thường viết về người thật việc thật có tính chất thời sự trung thành với hiện thực đến mức cao nhất

B. Những sự việc có tính sự kiện diễn ra trong ngày

C. Những câu chuyện có tính ly kỳ hấp dẫn

D. Những sự việc do nhà văn tưởng tượng 5. Du ký là thể loại ký ghi chép lại điều gì? A. Ghi lại những cảm nghĩ của người viết về một sự kiện quan trọng Diễn ra trong cuộc sống có tính thời sự B ghi chép sự thực C. Ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất các xứ sở nào đó D. Ghi chép lại các sự việc theo thứ tự thời gian chú ý đến các sự kiện có tính chất tiểu sử 6. Trong Du Ký người viết thường kể lại điều gì? A. Kể về một hình ảnh ấn tượng nhất B. Kể về một nhân vật để lại cho mình nhiều suy nghĩ C. Kể về một món ăn đặc sản của vùng miền đó D. Kể lại những điều Mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Chia sẻ, lắng nghe Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
---	--

Tiết chủ đề: 2-3

Tiết PPCT: 57-58

VĂN BẢN 1:

**CÔ TÔ
(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm thể kí (Du kí)
- Vẻ đẹp của Cô Tô

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;
- Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của kí
- Nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc
- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Giữ gìn và bảo thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung:

c) Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: + Giáo viên tổ chức trò chơi “Vượt chướng ngại vật”. Có một hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học bị che bởi 4 miếng ghép. Để lật mở được các miếng ghép phải trả lời được 4 gợi ý	- Trả lời được câu hỏi Câu 1: Vịnh Bắc Bộ Câu 2: Quần đảo Câu 3: Quảng Ninh Câu 4: Bắc Hồ Bức ảnh chủ đề: Đảo Cô

Câu 1: (9 kí tự)

“Năm trên miền Bắc nước ta

Vịnh nào rộng khắp chan hòa biển Đông”

là vịnh nào?

Câu 2: (7 kí tự) Điểm chung giữa Hoàng Sa, Trường Sa là gì?

Câu 3: (9 kí tự)

Tỉnh nào có cửa khẩu Móng Cái và núi Yên Tử?

Câu 4: (5 kí tự)

Tuyên ngôn độc lập lần ba

Tiếng ai ấm áp, vườn hoa Ba Đình? Là ai?

+ Gv yêu cầu học sinh kết nối các từ khóa với chủ đề bài học (*)

Cách 2: Tổ chức cuộc thi: "Biển đảo quê em"

Kể tên các đảo hoặc quần đảo ở nước ta mà em biết

- Cô Tô- Quảng Ninh
- Cát Bà- Hải Phòng
- Thổ Chu
- Song Tử Tây
- Trường Sa
- Hoàng Sa
- Lí Sơn
- Vân Đồn

Tô



- Côn Đảo
- Cồn Cỏ
- Cát Hải
- Bạch Long Vĩ
- Lí Sơn
- Phú Quốc
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe
- GV quan sát

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động
- Hs trả tham gia trò chơi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

(*) Cô Tô là một quần đảo nằm trên Vịnh Bắc Bộ thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh. 9/5/1961, Bác Hồ về thăm đảo Cô Tô.

Việt Nam có rất nhiều đảo và quần đảo. Mỗi hòn đảo có vẻ đẹp riêng. Đối với Nguyễn Tuân- một nhà văn suốt đời đi tìm cái đẹp đã bị cuốn hút bởi vẻ đẹp rất riêng của đảo Cô Tô. Và ông đã viết bài kí về Cô Tô,

cũng là nội dung bài học của chúng ta hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Biết cách đọc văn bản kí

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản

c. Sản phẩm học tập: Cách đọc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS			DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hướng dẫn học sinh đọc về tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp) + GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. + GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và dự đoán (các hộp chỉ dẫn) + Hướng dẫn hs giải nghĩa từ bằng cách nối hình ảnh cột A với cột B sao cho phù hợp			I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi 2. Chú thích 1-g; 2-h; 3-a; 4-b; 5-c; 6-d; 7-e; 8-f 3. Tác giả, tác phẩm a. Tác giả - Họ tên: Nguyễn Tuân; - Năm sinh – năm mất: 1910 – 1987;
1		a. Giã đôi	
2		b. Hải sâm	

3			c. Đá đầu sư	- Quê quán: Hà Nội; - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: <i>Vang bóng một thời</i> (tập truyện ngắn), <i>Sông Đà</i> (tùy bút),... b. Tác phẩm - <i>Cô Tô</i> được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập Kí, xuất bản lần đầu năm 1976.
4			d. Cá hồng	
5			e. Ngấn bể	
6			f. Bạc nén	
7			g. Trận địa	
8			h. Ang	
(nhấn bạn ppt: Khi chiếu đáp án, em sẽ trình chiếu nghĩa cụ thể của 8 từ này nhé) + Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý				

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;

- Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của kí

- Nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc

- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh

- Yêu nước, trách nhiệm

b. Nội dung: Gv tổ chức cho học sinh thảo luận theo luận nhóm đôi, nhóm 4-6 học sinh, PP thuyết trình, gợi mở kết hợp PHT để tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-------------------------------	-------------------------

NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vẻ đẹp trên đảo Cô Tô 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp thành 4 nhóm + <i>Nhóm 1: PHT số 1 (Cảnh bão biển trên đảo Cô Tô)</i> + <i>Nhóm 2: PHT 2 (Cảnh Cô Tô sau cơn bão)</i> + <i>Nhóm 3: PHT 3 (Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô)</i> + <i>Nhóm 4: PHT (Cảnh giếng nước ngọt và hoạt động của con người trên đảo Cô Tô)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận	II. Khám phá văn bản 1. Cảnh bão biển trên đảo Cô Tô * Từ ngữ - Động từ mạnh: liên thanh quạt lia lịa, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, vây, dồn, bung hết, ép, vỡ tung - Tính từ: buốt, rát, trắng mù mù, - Các từ, cụm từ Hán Việt: thủy tộc, quỷ khốc thần linh; - Các từ liên quan chiến trận: trận địa, hỏa lực, viên đạn, băng đạn, liên thanh, thả hơi ngạt, ➔ Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận ➔ diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão * Thời gian - Buổi tối, đêm khuya ➔ Tô đậm thêm sự nguy hiểm, khó lường của cơn bão * Nghệ thuật - So sánh + Mỗi viên cát như viên đạn mũi kim + Chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để
--	--

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	thay bằng đạn; ▪ + Trời đất trắng mù mù như kẻ thù bắt đầu thả hơi ngạt. ▪ + Sóng thúc lẫn nhau rền rền như vua thủy; ▪ + Gió rú rít như quỷ khốc thần linh ▪ → so sánh làm nổi bật sự kì quái, rùng rợn của những trận gió. ➔ Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.
	2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão * Hình ảnh ▪ - Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng ▪ - Cây - xanh mượt ▪ - Nước biển - lam biếc đậm đà ▪ - Cát - vàng giòn - Cá - càng thêm nặng nề cá già đôi * Nghệ thuật - Dùng 1 loạt các tính từ, từ láy - Phép ẩn dụ - Sử dụng các từ ngữ chỉ mức độ ngày càng tăng: thêm, hơn, càng, lại) ➔ Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính

	mà được miêu tả bằng các từ ngữ, hình ảnh giàu màu sắc, gợi sự tươi sáng, khoáng đạt, yên ả, tinh khôi và giàu tiềm năng của Cô Tô. Đồng thời cho thấy cảnh trước cơn bão đã đẹp nhưng sau cơn bão, cảnh càng đẹp hơn * Cảm xúc của tác giả: càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đi ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây → Tác giả yêu mến, gần gũi và coi Cô Tô như quê hương của mình. ➔ Bức tranh thiên nhiên trên đảo Cô Tô sau trận bão hiện lên tươi sáng, phong phú, độc đáo.
	3. Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô * Cách đón mặt trời - Dậy từ canh tư, ra tận đầu mũi đảo ngồi nhìn mặt trời lên. -> Cách đón nhận công phu và trang trọng * Cảnh mặt trời mọc - <i>Trước khi mặt trời mọc:</i> + Chân trời, ngăn bẽ sạch như tấm kính - <i>Trong khi mặt trời mọc:</i> + Nhú dần + Tròn trĩnh phúc hậu... + Quả trứng hồng hào thăm thẳm... + Y như một mâm lễ phẩm...

	- Sau khi mặt trời mọc: + Một vài chiếc nhạn... + Một con hải âu... * Nghệ thuật - Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ → Khung cảnh rộng lớn, bao la, trong trẻo, tinh khôi. → Bức tranh đẹp rực rỡ, tráng lệ 4. Cảnh giếng nước ngọt và hoạt động của con người trên đảo Cô Tô * Cảnh giếng nước ngọt và hoạt động của con người - Vị trí: giữa đảo - Lòng giếng vẫn còn rớt lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi quăng vào - Cái giếng rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ cong, ang, gôm. - Các thuyền mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để chuẩn bị ra khơi đánh cá. → Cảnh sinh hoạt nơi đây diễn ra tấp nập đông vui, thanh bình, thiếu đi giếng nước, cuộc sống trên đảo Cô Tô sẽ thiếu đi sức sống * Hình ảnh chị Châu Hòa Mẫn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp
--	---

	so sánh: ▪ + Biển cả – người mẹ hiền ▪ + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con ▪ + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển ➔ Hình ảnh kết thúc cho ta thấy tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo. Tạo cho người đọc ấn tượng khó quên về tiềm năng, khung cảnh của biển đảo Cô Tô
NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vị trí quan sát và thời điểm quan sát Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, Nguyễn Tuân đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm và vị trí nào? + Qua cách quan sát, miêu tả của Nguyễn Tuân, em rút ra cho mình được bài học gì?	5. Vị trí quan sát và thời điểm quan sát * Vị trí quan sát - Nóc đồn Cô Tô: là nơi đóng quân của bộ đội, thường được xây dựng ở vị trí cao, để quan sát để thuận lợi cho nhiệm vụ bảo vệ TQ. ➔ Điểm nhìn cao vợi vợi, không gian bao la, giúp tác giả có cái nhìn bao quát toàn cảnh Cô Tô. -Trên những hòn đá đầu sù, bên bờ biển, sát mép nước ➔ Phù hợp cho việc quan sát cảnh mặt trời lên - Giếng nước ➔ Quan sát được nhịp sống

- HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	➔ Cảnh và người Cô Tô được miêu tả ở nhiều góc nhìn khác nhau, từ xa đến gần, từ cao đến thấp, từ thiên nhiên đến con người. Cô Tô vừa toát lên vẻ đẹp bao la, kì vĩ, vừa vừa toát lên vẻ đẹp đời thường sôi động mà bình dị. * Thời điểm quan sát: - Bao lúc chiều, lúc đêm; trước bão, trong bão, sau bão; ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu; lúc mặt trời chưa mọc, mặt trời mọc, mặt trời lên bằng con sào... ➔ Cách kể theo trình tự thời gian * Bài học: Khi miêu tả, điểm nhìn, điểm quan sát rất quan trọng, phải lựa chọn phù hợp để thể hiện tối đa ý tưởng; cần dựa vào trình tự thời gian để kể...
--	---

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung bài kí?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôn ngữ tinh tế gợi cảm - Các so sánh táo bạo, bất ngờ, giàu trí tưởng tượng - Lời văn giàu cảm xúc 2. Nội dung - Vẻ đẹp độc đáo của c/s thiên nhiên và con người nơi đảo Cô Tô				
Cách tổng kết 2 PHT số ... <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 50%; padding: 5px;">Những điều em nhận biết và làm được</th><th style="width: 50%; padding: 5px;">Những điều em còn băn khoăn</th></tr> <tr> <td style="height: 100px;"></td><td></td></tr> </table>		Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn		
Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn				

..			

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: - Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Mang nước ra đảo” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

c. Sản phẩm học tập: Thái độ tham gia trò chơi và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <u>Câu 1. Đoạn trích Cô Tô được viết theo phương thức biểu đạt nào?</u> A. Biểu cảm B. Tự sự C. Miêu tả D. Nghị luận <u>Câu 2. Cô Tô là quần đảo thuộc địa phương nào?</u> A. Vũng Tàu B. Nghệ An C. Hải Phòng D. Quảng Ninh <u>Câu 3. Văn bản Cô Tô được viết theo thể nào?</u>	

A. Du kí

B. Tùy bút

C. Hịch

D. Truyện ngắn

Câu 4. Trong đoạn đầu của văn bản Cô Tô, điểm quan sát của tác giả ở đâu?

A. Nóc đồn Cô Tô

B. Trên dốc cao

C. Bên giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo

D. Đầu mũi đảo

Câu 5. Tính từ chỉ màu sắc nào không được sử dụng trong đoạn đầu bài kí Cô Tô?

A. Xanh mượt

B. Hồng tươi

C. Lam biếc

D. Vàng giòn

Câu 6. Theo miêu tả của tác giả, cảnh mặt trời mọc được ví với?

A. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn

B. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự vạn thọ

C. Mặt trời tròn như cái đĩa bạc từ từ tiến ra

D. Mặt trời lên một vài con sào

Câu 7. Cảnh sinh hoạt của con người Cô Tô được miêu tả thế nào?

A. Êm ả, bình lặng

B. Hối hả, vội vã

C. Khẩn trương, thanh bình

D. Hân hoan, vui vẻ

Câu 8. Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng, tươi đẹp qua ngôn ngữ điêu luyện, sự miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh cảm xúc. Đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

Câu 9. Vẻ đẹp của Cô Tô được miêu tả sau khi trận bão đi qua mang vẻ đẹp trong trẻo, sáng sủa, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 10. Bước tranh Cô Tô hiện lên sinh động bởi?

A. Ngôn ngữ tinh tế, gợi cảm

B. Các so sánh táo bạo, bất ngờ, giàu trí tưởng tượng

C. Lời văn giàu cảm xúc

D. Cả A,B,C đều đúng

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trả lời

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Hs trả lời

- Hs khác lắng nghe, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	
----------------------------------	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

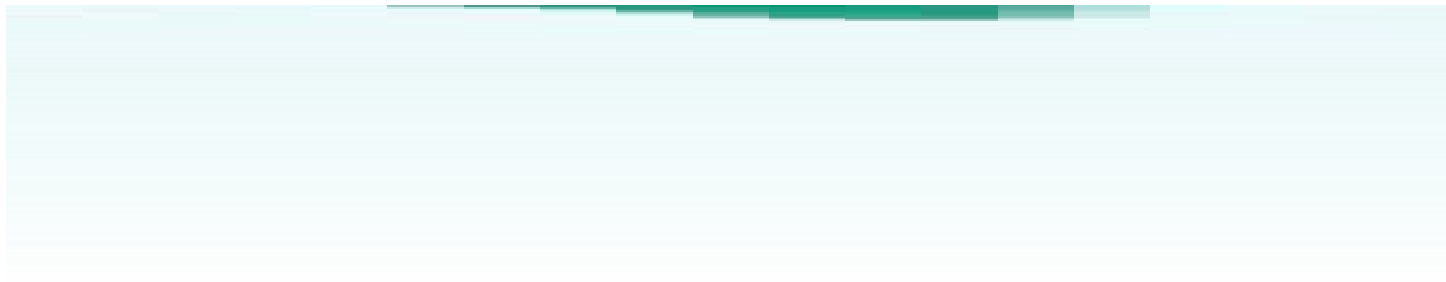
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

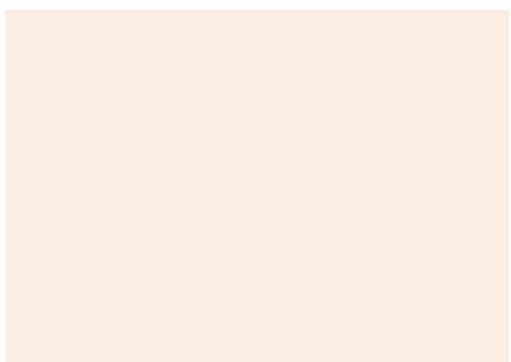
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Trong Cô Tô, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cảm nhận về đoạn văn Mặt trời lúc bình minh là hình ảnh không còn xa lạ trong văn chương nhưng độc đáo hơn cả vẫn là hình ảnh mặt trời mọc ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn trong bài Cô Tô của Nguyễn Tuân. Vào sáng sớm, vạn vật còn chìm trong lớp sương mỏng tựa làn khói thì phía đằng đông mặt trời nhú dần lên với những tia sáng đầu tiên. Khi đất trời

- HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	ngập tràn ánh sáng cũng là lúc mặt trời hiện lên tròn trĩnh như lòng của trứng thiên nhiên đầy đặn. Cách lo sánh đậm chất tài hoa của tác giả đã làm cho hình ảnh mặt trời hiện lên vừa ngộ nghĩnh, đáng yêu những cũng vừa uy nghi, tráng lệ, đẹp đẽ. Chỉ một hình ảnh nhỏ thôi nhưng cũng đủ để bừng lên vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời.
--	---

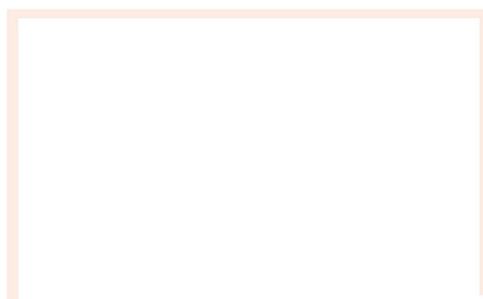


CẢNH CÔ TÔ SAU CƠN BÃO

HÌNH ẢNH



NGHỆ THUẬT

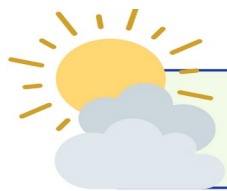


CẢM XÚC CỦA TÁC GIẢ

.....
.....
.....
.....
.....



NHẬN XÉT



Cảnh mặt trời mọc

Cách đón mặt trời

Cảnh
mặt trời mọc

Nghệ thuật



NHẬN XÉT :

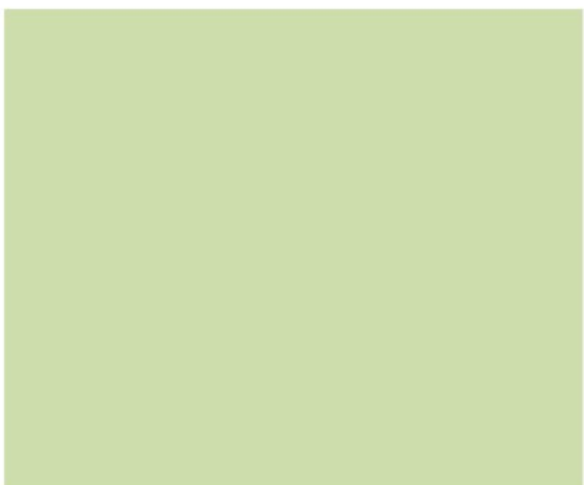


Họ tên Học sinh:

Ngày:

Cảnh giếc nước ngọt và hoạt động của con người

CẢNH GIẾNG NƯỚC NGỌT



HÌNH ẢNH CHỊ CHÂU HÒA MÃN



NHẬN XÉT



Tiết chủ đề: 4

Tiết PPCT: 59

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Một số biện pháp tu từ: Ẩn dụ, so sánh

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV chuyển giao nhiệm vụ + Gv tổ chức trò chơi Ngôi sao may mắn. Có 5 ngôi sao trên màn hình. Để có được ngôi sao phải trả lời đúng các câu hỏi <i>Câu 1: Từ “Người cha” trong câu thơ “Người cha mái tóc bạc /Đốt lửa cho anh nằm” chỉ ai?</i> <i>Câu 2: Trong câu ca dao “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, theo em “bùn” chỉ điều gì?</i> <i>Câu 3: Trong câu ca dao “Thuyền ơi có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”, “thuyền” chỉ ai?</i> <i>Câu 4: Đọc một câu tục ngữ khuyên răn chúng ta phải biết ơn những người đã giúp đỡ mình?</i>	- Học sinh đưa ra được các câu trả lời (có thể diễn đạt khác những hợp lí về mặt ý nghĩa) 1. Bác Hồ 2. Xấu xa, thấp kém... 3. Người con trai 4. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây; Uống nước nhớ nguồn... 5. Mẹ vất vả hi sinh để nuôi con khôn lớn, trưởng thành => Ấn dụ

<i>Câu 5: Em hiểu như thế nào về câu thơ: “ Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao”?</i> + <i>Những câu thơ, ca dao, tục ngữ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? (kết nối các từ khóa để dẫn dắt vào bài)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS lắng nghe nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV khích lệ, động viên, nhận xét	
---	--

B. Củng cố lý thuyết

a. Mục tiêu: Củng cố lại lý thuyết về So sánh và Ẩn dụ

b. Nội dung: Gv tổ chức cho hs thảo luận nhóm đôi

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh nhắc lại lý thuyết về ẩn dụ và so sánh Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhắc lại khái niệm về ẩn dụ và so sánh, lấy ví dụ để minh họa</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm	I. Củng cố lý thuyết 1. Ẩn dụ Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. So sánh So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

vụ	
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

b. Nội dung: Gv tổ chức cho hs thảo luận nhóm,

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép (giả định lớp có 32 học sinh, trường hợp nhiều hay ít hơn thầy cô linh hoạt công thức) Vòng 1: Nhóm chuyên gia (10 phút) Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm	II. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 113 – 114 a. <table> <tr> <td>quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ</td><td>mặt trời</td></tr> <tr> <td>mâm bạc</td><td>bầu trời sáng và lấp lánh</td></tr> <tr> <td>mâm bể</td><td>mặt biển</td></tr> <tr> <td>cái chất bạc nén</td><td>độ sáng và sự lấp</td></tr> </table>	quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ	mặt trời	mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh	mâm bể	mặt biển	cái chất bạc nén	độ sáng và sự lấp
quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ	mặt trời								
mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh								
mâm bể	mặt biển								
cái chất bạc nén	độ sáng và sự lấp								

Nhóm 1: Bài 1 Nhóm 2: Bài 2 Nhóm 3: Bài 3 (Tìm 3 câu văn có sử hình biện pháp tu từ so sánh trong đoạn “Hình như gió bão...theo mùa sóng ở đây” Nhóm 4: Bài 3 (Tìm 3 câu văn có sử hình biện pháp tu từ so sánh trong đoạn còn lại. Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép (15 phút) - Hình thành 4 nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có 2 người cũ+ 6 người mới (2 người từ nhóm 2, 2 người nhóm 3, 2 người nhóm 4) - Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	<table border="1" data-bbox="716 191 1300 258"> <tr> <td data-bbox="716 191 1008 258"></td><td data-bbox="1008 191 1300 258">lánh</td></tr> </table> b. Biện pháp tu từ được sử dụng: ẩn dụ → Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, cụ thể ở đây là tăng vẻ đẹp cho hình ảnh thiên nhiên ở Cô Tô. Bài tập 2 SGK trang 114 a. <i>Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.</i> - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh mỗi một hạt cát như một viên đạn mũi kim, so sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào → So sánh hợp lý vì hạt cát nhỏ, viên đạn mũi kim cũng nhỏ, khi bắn chỉ tập trung làm đau buốt một điểm. - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. Cụ thể là làm rõ và cụ thể hóa cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô. b. <i>Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.</i> - Biện pháp tu từ: Nhân hóa. Gió bão vốn là các hiện tượng tự nhiên, vô tri vô giác, đã được gán với các đặc điểm như con người: biết chờ cho		lánh
	lánh		

- HS thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	« chúng tôi » vào hết trận địa cánh cung bãi cát, biết <i>tăng thêm hỏa lực</i>. - Tác dụng: làm cho gió bão trở nên sinh động, câu chuyện được kể trở nên hấp dẫn. Bài tập 3 SGK trang 114 Trong <i>Cô Tô</i>, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động. Ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn 1 + <i>Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim</i> → Sự nguy hiểm của bão biển + <i>Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.</i> → tăng thêm sự dữ dội của những đợt sóng. + <i>Nó rít lên rú lên như cái kiếu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh</i> → sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ Ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn 2 + <i>Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như</i>
--	---

	<i>tắm kính lau hết mây, hết bụi</i> → Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo (tắm kính), rất sạch (lau hết mây, hết bụi), gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết, trong lành, tầm mắt như được mở rộng ra khi nhìn "chân trời", "ngấn bể". + <i>Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.</i> → Thấy được sự ngộ nghĩnh, độc đáo đồng thời cũng rất trang trọng, linh thiêng + <i>Cái giếng ngọt ở rìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền</i> → Cuộc sống nhộn nhịp, sôi động
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a. Mục tiêu:

- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

b. Nội dung

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu miêu tả cảnh thiên nhiên mà em ấn tượng trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Hs viết đoạn văn đúng hình thức và chủ đề, trong đó có biện pháp ẩn dụ hoặc so sánh Đối với em, biển là một cảnh đẹp thiên nhiên tuyệt vời nhất đặc biệt là khoảnh khắc bình minh trên biển. Vào lúc sáng sớm, khi mà màn đêm đen vẫn còn vẫn vương trên tán lá dừa thì mặt trời đột ngột xuất hiện, nhô lên từ lòng biển. Nó tỏa ra thứ ánh sáng đỏ rực, sáng chói, xua tan đi bóng tối. <u>Dưới thứ ánh sáng kì diệu ấy, cả mặt biển như một tấm gương, lóng lánh màu đỏ rực.</u> Cùng với đó, là <u>thứ âm thanh nhịp nhàng, đều đặn, rì rào của sóng biển giống như bản nhạc của mẹ thiên nhiên đang cố đánh thức mọi người vào buổi sáng sớm.</u> Đằng xa, những hàng dừa cao vút cũng vùng vẫy những cánh tay dài để đón chào bình minh tới. Cứ như thế, một ngày mới lại bắt đầu trên bãi biển bình yên, thơ mộng.

--	--

Tiết chủ đề: 5-6

Tiết PPCT: 60-61

HANG ÉN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm thể kí (Du kí)
- Vẻ đẹp của Hang Én

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*;
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Giữ gìn và bảo thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2,
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới
- b) Nội dung:** GV tổ chức trò "Người kế tiếp" để học sinh tìm ra những chuyện cổ có trong bài thơ
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh
- d) Tổ chức thực hiện**



HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: + Gv tổ chức Trò chơi đuổi hình đoán tác	- HS nêu được: + Cố đô Huế + Vịnh Hạ Long

<i>phẩm. Có 6 hình ảnh tương ứng với 6 địa danh. Yêu cầu học sinh đoán tên các địa danh tương ứng với hình ảnh.</i> + Học sinh nhận xét về những địa danh vừa đoán được? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời - Gv tổ chức trò chơi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới:	+ Hoàng Thành Thăng Long + Động Phong Nha- Kẻ Bàng + Thành Nhà Hồ + Quần thể danh thắng Tràng An => Là những Di sản thế giới tại Việt Nam (gv nhấn mạnh đến Động Phong Nha- Kẻ Bàng-> Hang Én
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hướng dẫn học sinh đọc về tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp) + GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. + GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi (các hộp chỉ dẫn) + Hướng dẫn hs giải nghĩa từ Câu 1: Rừng nguyên sinh là A. Là rừng tự nhiên, chưa bị khai thác B. Là rừng chủ yếu được sử dụng để sản xuất, kinh doanh gỗ C. Là rừng trồng để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn Câu 2: Tờ- réc- king nghĩa là gì? A. Đi du lịch bụi B. Leo núi, đi bộ thám hiểm C. Tên người khám phá ra hang Én Câu 3: “Ra ràng” nghĩa là gì? A. Từ đồng nghĩa với từ “ra đời” B. Con chim non ra tín hiệu đòi ăn C. Mọc đủ lông, đủ cánh, có thể tập bay Câu 4: Hô-oát Lim bơ là? A. Tên một hang trong vườn Quốc gia Phong	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi 2. Chú thích - Rừng nguyên sinh - Tờ- réc- king - Ra ràng - Hô-oát Lim bơ - Thương hải tang điền

Nha- Kẻ Bàng B. Tên chuyên gia Hiệp hội Hang động hoàng gia Anh- người phát hiện ra hơn 500 hang động ở Việt Nam C. Tên một hợp chất trong nhũ đá Câu 5: Thương hải tang điền nghĩa là A. Trồng dâu ven vờ biển B. Chỉ những người nông dân trồng dâu C. Chỉ những biến đổi lớn lao - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Vẻ đẹp của Hang Én
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*;
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...
- Yêu nước, trách nhiệm

b. Nội dung: Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, thảo luận nhóm, PHT để hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ, sản phẩm thảo luận nhóm (tranh ảnh)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Tìm hiểu hành trình khám phá hang én Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ thời điểm ấy	II. Khám phá văn bản 1. Hành trình khám phá hang Én Cách thức di chuyển: Đường tới hang Én phải đi qua rừng nguyên

được <i>Gv viên phát PHT số 1, HS làm việc nhóm đôi</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV2: Tìm hiểu vẻ đẹp của hang Én	sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, chỉ có một cách di chuyển: đi bộ a. Chặng từ dốc Ba Giàn đến thung lũng Rào Thương - Địa hình: dốc cao và gập ghềnh, đường nhỏ hẹp, trơn trượt, cây đổ chắn ngang đường, rậm rạp... - Cây cối: cây cổ thụ tán cao vút, thân đầy các loại tầm gửi, phong lan nở hoa - Loài vật: có sên, vắt, côn trùng, chim chóc... b. Chặng từ thung lũng Rào Thương đến hang Én - Địa hình: thấp trũng như thung lũng, suối - Cây cối: thảm cỏ, cây cối rậm rạp - Loài vật: đàn cá bơi liêu xiêu như những chiếc lá khô; đàn bướm đủ màu đậu thành từng vạt như đám hoa => Khu rừng nguyên sinh hiện lên hoang sơ, xa lạ, hiểm trở nhưng cũng không kém phần tươi đẹp, thơ mộng,
---	---

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Nhóm 1: Giới thiệu chung về hang Én (hình dáng, kích thước...); nhận xét về nghệ thuật?</i> + <i>Nhóm 2: Thảo luận về đường vào hang Én</i> + <i>Nhóm 3: Thảo luận về vẻ đẹp trong hang chính (cảnh vật trong hang chính, cuộc sống của loài én có gì đặc biệt)</i> + <i>Nhóm 4: Thảo luận về vẻ đẹp của đá trong hang Én</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	gần gũi, cuốn hút. thời điểm ấy được 2. Vẻ đẹp của hang Én * Hình dáng, kích thước - Hình dáng: Hang Én giống như cái tổ khổng lồ mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng với không gian trú ẩn, nước, không khí, ánh sáng... - Kích thước: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, chiều dài khoảng hơn 1,6 km - Nghệ thuật: + So sánh . Hang Én như cái tổ khổng lồ mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng . Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường → Sự hoang sơ, kì vĩ, trang nghiêm của hang Én + Sử dụng từ ngữ độc đáo . Gọi thiên nhiên là “Mẹ” . Mẹ Thiên Nhiên viết hoa → Thể hiện tình yêu, thái độ ngưỡng
---	---

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	vọng, trân trọng, biết ơn sự bao dung, che chở, nuôi dưỡng của Mẹ Thiên Nhiên * Đường vào hang Én - Hang có 3 cửa lớn + Cửa trước: . Có 2 lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một sảnh chờ rộng rãi; cửa trong thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm . Muốn vào hang phải lội qua sông rồi trèo ngược vách đá hiểm trở, cao mấy chục mét . Vịn đá lần xuống chân dốc, ngồi bè qua sông đến lòng hang chính + Cửa thứ hai: Thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ + Cửa sau * Vẻ đẹp trong hang chính - Cảnh vật + Bờ sông cát mịn thoải dần + Nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi, đá bào nhẵn
---	--

	- Đàn én + Hàng vạn con chim én hồn nhiên cư ngụ và chưa phải biết sợ con người + Bốn vách hang dày đặc chim én, cộng đồng én sống thoải mái “cuộc đời” của chúng + Én bố mẹ tập nập đi về, mãi mãi mớm mồi cho con + Én con anh chị rập rờn bay đôi; én ra rang chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá + Én thiếu nhi ngủ nướng, say giấc trên mỏm đá + Có chú én tò mò bay xuống bàn ăn bị thương, khi quen mắt với ánh đèn ung dung mổ cơm ăn; thản nhiên đi lại quanh lều - Nghệ thuật: + Nhân hóa, liệt kê: hồn nhiên, én bố mẹ, én anh chị, én thiếu nhi, ngủ nướng, ung dung... + Sử dụng nhiều từ láy: tập nập, mãi
--	---

	mối, rập rờn, chấp chới → Cuộc sống của loài én hiện lên sinh động, gần gũi, có sự giao hòa, hòa hợp với con người, chưa bị con người “khai thác”, xâm phạm => Sự bình yên, thanh bình, hòa quyện, thân thiết giữa con người với thiên nhiên→tình yêu thiên nhiên của tác giả * Vẻ đẹp của đá trong hang Én - Cảm giác như bước chầm chậm qua vài trăm triệu năm - Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành tầng bậc lớn nhỏ như những thửa ruộng bậc thang tuyệt đẹp vào mùa nước đổ - Thấy những “thương hải tang điền” trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô - Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang - Mỗi xen- ti- mét đá phải trải qua cả triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên và chúng vẫn “sống” trong hành
--	---

NV3: Tìm hiểu tâm trạng của du khách Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Cảnh vật trong hang Én khi bóng tối trùm xuống và buổi ban mai được thể hiện qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó góp phần thể hiện tâm trạng của du khách khi trải nghiệm trong hang Én ra sao?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận ■ - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời	trình tạo tác của tự nhiên. - Nghệ thuật : so sánh, liệt kê, lối nói cường điệu “bước chầm chậm qua vài trăm triệu năm” => những khối đá từ vật vô tri vô giác trở thành những thực thể sống động, có hồn và luôn luôn biến đổi → Sự cảm nhận tinh tế của tác giả 3. Tâm trạng của du khách * Chi tiết - Buổi tối + Nhìn rõ đàn én chao liệng không dứt, đàn én cuối cùng bay về hang khi trời sẫm hẳn + Ngồi bệt trên nền cát, trước mặt là khoảng sông lấp lánh...khoảng trời thăm thẳm đầy sao + Tứ bề tiếng chim líu ríu, chiu chít, tiếng nước chảy âm âm, tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều; - Sáng sớm + Năm giờ đã sáng bừng cả lòng hang, tường bột điện hóa ra là luồng nắng ban mai vàng rờ rọi chéo từ
--	--

của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV4: Tìm hiểu thông điệp của văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Nhận xét về cách cảm nhận về cuộc sống hoang dã và ứng xử với thiên nhiên của tác giả? + Qua cách cảm nhận và ứng xử của tác giả, em rút ra được thông điệp gì? Em có nghĩ rằng một ngày nào đó mình sẽ có chuyến trải nghiệm đến với hang Én không? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	trên cao xuống + Trên mặt sông, nắng hòa với hơi nước mỏng ta, tan dần thành lãng đãng khói mơ + Ai nấy đều nhòa người khỏi lều, chạy chân trần, vục nước suối rửa mặt * Tâm trạng - Cảm thấy bình yên, ấm áp, hòa mình vào thiên nhiên, quan sát kĩ lưỡng đàn chim én - Nhẹ nhõm, thư thái - Ngạc nhiên, ngỡ ngàng - Say đắm thiên nhiên 4. Thông điệp của văn bản - Cách cảm nhận về cuộc sống hoang dã và ứng xử với thiên nhiên của tác giả + Tác giả hòa mình với cuộc sống tự nhiên (bước đi cùng đàn bướm như đang đi trong giấc mộng đẹp, ở trong hang chung với chim Én, ngồi bệt trên cát, vục nước suối rửa mặt...) + Không hề sợ hãi mà tỏ ra thích thú, hào hứng(cảm giác như cuộc “ngược dòng”, “thích nhất là lội
---	---

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ	▪ + Cảm nhận được sự quần quýt, sum vầy của tự nhiên (gia đình chim én) ▪ + Nâng niu, trân trọng tự nhiên (cho chú én bị thương ăn cơm...)
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	
- HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	▪ - Thông điệp ▪ + Hãy nâng niu, trân trọng tự nhiên, khi biết nâng niu, trân trọng thì tự nhiên dù tự nhiên hoang sơ, nguy hiểm thế nào cũng còn đáng sợ
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	▪ + Hành trình về với tự nhiên là hành trình thú vị, đối mặt với nhiều hiểm nguy, nhưng vượt qua được hành trình này, chúng ta sẽ mở mang tầm mắt, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, rèn luyện sức khỏe và có kỹ năng sinh tồn ▪ => Yêu thiên nhiên vì thiên nhiên vừa là người mẹ nuôi dưỡng, vừa dạy dỗ con người.

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung bài kí?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôn ngữ tinh tế gợi cảm - Các so sánh táo bạo, bất ngờ, giàu trí tưởng tượng - Lời văn giàu cảm xúc 2. Nội dung - Vẻ đẹp độc đáo của c/s thiên nhiên và con người nơi đây.
Cách tổng kết 2 PHT số ...	

	Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn	

..

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Giải cứu rừng xanh” mật để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

c. Sản phẩm học tập: Thái độ khi tham gia trò chơi, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên tổ chức trò chơi “Giải cứu rừng xanh”	
Câu 1: Cách di chuyển tới hang Én là?	

Đi bộ

Câu 2: Hang Én thuộc quần thể di sản thiên nào?

Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng

Câu 3: Hành trình khám phá hang Én khởi đầu từ địa điểm nào?

Dốc Ba Giàn

Câu 4: Rào Thương là tên của...?

Một thung lũng cũng là một con suối

Câu 5: Câu “Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất” nói về đối tượng nào?

Đàn bướm

Câu 6: Hang Én được ví như cái tổ khổng lồ và an toàn do ai ban tặng?

Mẹ Thiên Nhiên

Câu 7: Trần của hang Én được so sánh với cái gì?

Mái vòm của một thánh đường

Câu 8: Tộc người nào được nhắc đến trong văn bản “Hang Én”

A- rem (Chứt)

Câu 9: Trong văn bản “Hang Én”, có nhiều hình ảnh về gia đình chim én. Em hãy liệt kê ít nhất một hình ảnh đó?

Én bố mẹ tập nập đi về, én anh chị rập rờn bay đôi...

Câu 10: Hình ảnh dải đá san hô được so sánh với hình ảnh nào?

Thửa ruộng bậc thang mùa nước đổ

Câu 11: Nhũ đá, măng đá, ngọc động phải trải qua những quá trình nào để được tạo ra?

Bào mòn và bồi đắp

Câu 12: Hình ảnh nào khiến tác giả lầm tưởng là người ta bật điện?

Luồng nắng ban mai

Câu 13: Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản “Hang Én”

So sánh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv chốt lại kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv: <i>Em hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nhận của em về hang Én</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cảm nhận về hang Én Sau khi đọc văn bản Hang Én, em đã hình dung được rõ hơn về vẻ đẹp của nơi đây. Hang Én nằm tại khu vực trung tâm của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Hành trình đến với Hang Én rất khó khăn, phải xuyên qua cánh rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao hay lội qua những con sông, suối. Nhưng vẻ đẹp của thiên sẽ khiến du khách quên đi những mệt mỏi. Con đường dẫn vào hang Én đi qua tán rừng, dọc theo dòng sông Rào Thượng uốn lượn với cảnh những chú bướm trắng bay khắp đường. Bên trong hang động, có hàng triệu con én sống như chưa hề biết sợ con người. Những dải đá san hô uốn lượn cùng với nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng
Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ	
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

	đầy bên những vách núi cũng là một điểm ấn tượng của hang động này. Hành trình khám phá Hang Én sẽ đem đến cho chúng ta thật nhiều trải nghiệm ấn tượng.
--	---

Phiếu học tập 2

Họ tên:
Lớp:
Phiếu học tập số:

- Loài vật:
.....
- Cây cối:
.....
- Địa hình:
.....

Chặng 2

Xuất phát

Cảm nhận về rừng nguyên sinh

- Loài vật:
.....
- Cây cối:
.....
- Địa hình:
.....

Điểm đến

Phiếu học tập số 2

✓ Loài vật:
.....
✓ Cây cối:
.....
✓ Địa hình:
.....

Xuất phát

Cảm nhận về rừng nguyên sinh

Chặng hai

✓ Loài vật:
.....
✓ Cây cối:
.....
✓ Địa hình:
.....

Điểm đến

Tiết chủ đề: 7

Tiết PPCT: 62

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Dấu ngoặc kép
- Biện pháp so sánh, nhân hóa

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi *Ai nhanh hơn/ Mảnh ghép bí mật*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Cách 1: Gv tổ chức cuộc thi Ai nhanh hơn. Học sinh sẽ kể tên dấu câu mà em biết?</i> <i>Cách 2: Tổ chức trò chơi Mảnh ghép bí mật. Mảnh ghép chính là chủ đề của bài học, để lật được mảnh ghép, học sinh cần trả lời được 4 câu hỏi:</i> <i>Câu 1: Đoạn thơ sau viết theo thể thơ nào?</i> <i>Ngõ từ quả thị bước ra Bé làm cô Tấm giúp bà khâu kim Thối cơm, nấu nước, bế em Mẹ về khen bé: “Cô tiên xuống trần”</i> <i>Câu 2: Đoạn thơ sau trích trong bài</i>	Cách 1 - Học sinh trả lời được: dấu chấm, phẩy, hai chấm, ngoặc đơn, ngoặc kép, chấm than, chấm, dấu ba chấm... Cách 2: <i>Câu 1: Lục bát</i> <i>Câu 2: Lượm, Tố Hữu</i> <i>Câu 3: Nhân vật Mèo- Kiều Phương</i> <i>Câu 4: Dế Mèn phiêu lưu kí</i> <i>Mảnh ghép bí mật:</i> 

thơ nào, của ai?

Cháu cười híp mí,

má đỏ bồ quân:

- “Thôi, chào đồng chí!”

Cháu đi xa dần...

Câu 3: Trong đoạn trích *Bức tranh của em gái tôi*, Tạ Duy Anh Viết: “Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn”. “Đồng nghiệp” ở đây là ai?

Câu 4: Đoạn trích “*Bài học đường đời đầu tiên*” trích trong văn bản nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu câu

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, phân tích ví để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Tìm hiểu về dấu câu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 118 kết hợp 4 ví dụ ở phần khởi động: <i>- Mẹ về khen bé: “Cô tiên xuống trần”(1)</i> <i>- “Thôi, chào đồng chí!”(2)</i> <i>- Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn.(3)</i> <i>- Đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” trích trong văn bản nào?(4)</i> <i>Theo em, dấu ngoặc kép trong các ví dụ trên có chức năng gì?(*)</i>	I. Dấu câu 1. Dấu ngoặc kép Dùng để: - Trích lời dẫn trực tiếp - Trích lời dẫn trực tiếp - Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt - Đánh dấu tên tác phẩm được dẫn 2. Dấu phẩy - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu; - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng; - Ngăn cách các thành phần chú thích

+ Dựa vào kiến thức đã học ở Tiểu học, em hãy nhắc lại công dụng của dấu phẩy và dấu gạch ngang? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức (*) (1) Trích lời dẫn trực tiếp (2) Trích lời dẫn trực tiếp (3) Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt (4) Đánh dấu tên tác phẩm được dẫn	với thành phần khác trong câu. 3. Dấu gạch ngang - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê; - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại; - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu; - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau; - Phiên âm tên nước ngoài; - Dùng trong cách để ngày, tháng, năm.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;

- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh làm bài tập Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Gv sử dụng kĩ thuật phòng tranh, Chia lớp thành 6 nhóm + Nhóm 1: Bài 1 + Nhóm 2: Bài 2 + Nhóm 3: Bài 3 (Văn bản Cô Tô) + Nhóm 4: Bài 3 (Văn bản Hang Én) + Nhóm 5: Bài 4	II. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 118 a. <i>Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.</i> - Nghĩa của từ trong ngoặc kép: “ngược dòng” → bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường. → Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại. b. <i>Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lừng.</i> Nghĩa của các từ trong ngoặc kép: “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.

+ Nhóm 6: Bài 5 - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung bài của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắc chắn	→ Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: so sánh không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ, báo hiệu ngoài hang đầu tiên bên ngoài, sẽ còn những hang phía bên trong → Cụ thể hóa, giúp người đọc dễ hình dung về không gian trong hang Én, gợi sự tò mò về các hang tiếp theo ở hang Én. Bài tập 2 SGK trang 118 a. <i>Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trăn hang cao hàng trăm mét.</i> Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1): ngăn cách các vế trong câu, vế sau giải thích và làm sáng tỏ nghĩa cho vế trước; + Dấu phẩy (2) (3): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể: bàn chân mỏng và ngón dẹt có cùng đặc điểm chung là những bộ phận dưới cùng, tiếp giáp với mặt đất của cơ thể con người. - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt. Cụ thể ở đây là từ “ăn én”, không phải là ăn thịt chim én mà là tên một lễ hội của người A-rem để lưu giữ ký ức họ đã từng sống trong hang động. - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” → giải thích
---	--

vì sao người A-rem lại có đặc điểm sinh học đặc biệt như vậy.

b. *Hô-oát Lim-bơ*, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả mảng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.

Tác dụng của:

- Dấu phẩy:

+ Dấu phẩy (1): ngăn cách thành phần giải thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ của câu), về sau giải thích, bổ sung thêm ý nghĩa cho vế trước: ở đây bổ sung thêm thông tin cho biết Hô-oát Lim-bơ là người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam;

+ Dấu phẩy (2): ngăn cách các vế câu, về sau làm thành phần phụ chú cho vế trước và nhấn mạnh vào vế sau giúp sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận. Cụ thể ở đây vế *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới* bổ sung thêm cho *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới*.

+ Dấu phẩy (3): ngăn cách các vế, các thành phần của câu;

+ Dấu phẩy (4): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể ở đây là liệt kê nhũ đá, măng đá, ngọc động. Chúng là những sự vật có cùng tính chất.

- Dấu ngoặc kép:

+ “Sống” theo nghĩa thông thường: tồn tại ở hình thái có

trao đổi chất với môi trường ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết (Từ điển tiếng Việt Hoàng Phê);

+ “Sống” được để trong ngoặc kép trong ví dụ: nhấn mạnh và hiểu theo nghĩa cụ thể, đặc biệt: các mảng đá, nhũ đá, ngọc động vẫn tiếp tục được bồi đắp, bào mòn trong hành trình tạo tác của tự nhiên. Đó là một sự hiển nhiên, sinh động cho thấy tất cả mọi vật đều ở trạng thái vận động.

- Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài. Cụ thể là từ từ “centimet”, chỉ đơn vị đo độ dài.

Bài tập 3 SGK trang 118

Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB *Cô Tô, Hang Én*:

- VB *Cô Tô*:

+ Anh quây 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước biển thôi”

→ Tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. Ở đây, tác giả Nguyễn Tuân trích dẫn lại lời của nhân vật anh hùng Châu Hòa Mãn theo lối trực tiếp.

- Vb *Hang Én*:

+ Bạn sẽ thấy những “thương hải tang điền” còn hiện hữu trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô,... nơi vách đá

“Thương hải tang điền”: bãi bể nương dâu. Dùng để chỉ những biến đổi lớn lao. Đây là điển cố được sử dụng nhiều trong văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam cổ trung

đại.

→ Tác dụng khi sử dụng: tăng khả năng gợi cảm cho sự diễn đạt, ngầm ý nói sự thay đổi từ biến sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.

Bài tập 4 SGK trang 118

a. Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được.

- Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”

b. Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều bên một bên cánh còn hơi sã xuống.

- Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”.

→ Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.

Bài tập 5 SGK trang 118

a. *Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.*

- Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.

→ Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống

	động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn. <i>b. Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.</i> - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất. → Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp. <i>c. Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.</i> - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ. - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Hãy đặt dấu hai chấm, dấu ngoặc kép thích hợp vào truyện cười dưới đây và giải thích lí do. (Điều chỉnh chữ viết hoa, nếu cần thiết)</i> <i>Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi chó của cháu có cắn người không? Nicky đáp chó nhà cháu không cắn ai bao giờ cả. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? Vâng, thì đúng như vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu.</i> <i>(Truyện cười thế giới)</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt	- Học sinh đặt đúng dấu hai chấm, dấu ngoặc kép và giải thích <i>Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi: “Chó của cháu có cắn người không”? Nicky đáp: “Chó nhà cháu không cắn ai bao giờ cả”. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói: “Sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? - “Vâng, thì đúng như vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu”.</i>

sản phẩm Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắc chắn	
--	--

Tiết chủ đề: 8

Tiết PPCT: 63

CỬU LONG GIANG TA ƠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Vẻ đẹp của sông Cửu Long
- Tình yêu thiên nhiên, đất nước của tác giả

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết được tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh,...

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Giữ gìn và bảo thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2,
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Giáo viên tổ chức đố vui về các dòng sông

c) Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Đố vui về các dòng sông? Câu 1: Sông gì đỏ nặng phù sa Sông gì lại hóa được ra chín rồng? Câu 2: Làng quan họ có con sông Hỏi dòng sông ấy là sông tên gì? Câu 3: Sông tên xanh biếc sông chi? Sông gì tiếng vó ngựa phi vang trời? Câu 4: Sông gì chẳng thể nổi lên Bởi tên của nó gắn liền dưới sâu? Câu 5: Sông nào nơi ấy sóng trào Vạn quân Nam Hán ta đào mồ chôn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Gợi ý + Sông Hồng + Sông Cửu Long + Sông Cầu + Sông Lam + Sông Mã + Sông Đáy + Sông Bạch Đằng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời - Gv tổ chức trò chơi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới: Vẻ đẹp của đất nước ta không chỉ được tạo nên bởi những ngọn núi đứng giữa trời cao mà còn được tạo ra bởi những dòng sông ẩn mình trong đất mẹ. Có dòng sông hiền hòa, thơ mộng ngân vang điệu quan họ hay khúc Nam ai, Nam bình sâu lắng, tha thiết. Có dòng sông gắn liền với những chiến công lẫy lừng của dân tộc. Và có một dòng sông lại mang trong mình cả một nền văn hóa trên sông nước, đó chính là sông Mê Kông hay còn gọi là sông Cửu Long. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về dòng sông này qua tác phẩm...	
---	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn cách đọc văn bản</i> + <i>GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</i> + <i>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chú thích</i> + <i>Tìm hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc 2. Chú thích - Đạo sĩ - Trường Sơn - Thác Khôn - Phù sa - Ngọn núi 3. Tác giả, tác phẩm a. Tác giả - Tên: Nguyễn Hồng; - Năm sinh – năm mất: 1918 – 1982;

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng; - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. 2. Tác phẩm - Các tác phẩm chính: <i>Những ngày thơ ấu</i> (hồi kí), <i>Bỉ vỏ</i> (tiểu thuyết), <i>Trời xanh</i> (thơ), <i>Cửa biển</i> (tiểu thuyết), <i>Bước đường viết văn</i> (hồi kí), v.v... - VB <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> được trích trong <i>Trời xanh</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 5 – 9. - Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm;
---	--

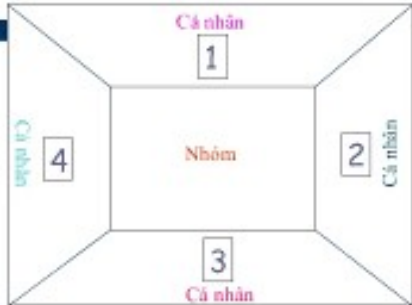
Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: - HS nhận biết được tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh,...

b. Nội dung: Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, thảo luận nhóm, PHT để hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ, sản phẩm thảo luận nhóm (tranh ảnh)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu ý nghĩa nhan đề Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv tổ chức cho học sinh thảo luận bằng kỹ thuật khăn trải bàn: Nhan đề có ý nghĩa như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	II. Khám phá văn bản 1. Ý nghĩa nhan đề - Nêu bật chủ đề của tác phẩm - Nhan đề lấy tên đoạn sông Mê Kông chảy trên lãnh thổ Việt Nam- Cửu Long- như một cách để giới hạn phần lãnh thổ Việt Nam, từ đó biểu thị tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước. Từ “ta” ở đây gợi sự thân thiết, ý thức sở hữu. ➔ Nhan đề bài thơ giống như lời gọi tha thiết, thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng, tự hào đối với từng tấc đất của cha ông

hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu hình ảnh “tấm bản đồ rực rỡ” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng phương pháp gợi mở, đàm thoại + Em hãy hình dung bối cảnh xuất hiện tấm bản đồ và tưởng tượng trên tấm bản đồ đó thể hiện nội dung gì? Nêu ý nghĩa của tấm bản đồ?	2. Hình ảnh “tấm bản đồ rực rỡ” - Bối cảnh xuất hiện: trong tiết Địa lý mà thầy giáo trẻ dạy - Tấm bản đồ: hình hài đất nước, núi sông, biển đảo, các vùng miền, vị trí địa lý, ranh giới, cương vực lãnh thổ → Tượng trưng cho Tổ quốc thiêng thiêng - “Tấm bản đồ rực rỡ”: một không gian mới, thế giới mới với nhiều vùng đất gần xa, trong đó có dòng
--	---



+ Trong cảm nhận của cậu học trò, tấm bản đồ hiện lên như thế nào? Cách cảm nhận đó thể hiện điều gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận

- Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

(*) Bản đồ chính là cách để khẳng định

sông Mê Kông

→ Niềm tự hào, hứng khởi, háo hức, mê say, tò mò, khao khát khám phá núi sông của Tổ quốc



chủ quyền của mỗi quốc gia, chính vì thế nó hết sức thiêng liêng. Tuy nhiên trong vài năm gần đây, Trung Quốc ngang nhiên tuyên bố đường chín đoạn-đường ranh giới ở khu vực biển Đông trong đó có hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa bỏ thuộc về chủ quyền của Trung Quốc trong khi đây vốn là chủ quyền của Việt Nam. Đây là hành động sai trái, vi phạm luật pháp, công ước quốc tế, xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền và lợi ích quốc gia của đất nước ta. Là chủ nhân của đất nước, các em cần phải sáng suốt, không tiếp tay cho những hành động sai trái. Không mua, xem, lưu truyền những sản phẩm có in ấn đường chín đoạn...

NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và hình ảnh người dân Nam Bộ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Gv chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận và ghi vào giấy A0

+ Nhóm 2+ 4: Tìm hiểu vẻ đẹp dòng

3. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

- Hình ảnh dòng sông

+ Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát

+ Sóng tỏa chân trời buồm trắng

+ Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng

+ Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa

+ Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền

+ Mê Kông quận đê

<i>sông Mê Kông (liệt kê những chi tiết nói về dòng sông, đặc sắc nghệ thuật, nhận xét)</i> + Nhóm 1+3: <i>Tìm hiểu về vẻ đẹp của người nông dân Nam Bộ (liệt kê những chi tiết nói về người dân Nam Bộ, đặc sắc nghệ thuật, nhận xét)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học - Học sinh lên thuyết trình sản phẩm, học sinh khác lắng nghe, nhận xét, phản biện, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	+ 9 nhánh sông vàng - Nghệ thuật + Nhân hóa, liệt kê, điệp từ → Dòng sông Mê Kông mang phù sa màu mỡ về cho ruộng bãi, tạo ra những cánh đồng lúa menh mông, những trái sầu riêng dậy mùi thơm, những rặng dừa nặng trĩu trái với giọt nước dịu mát. Không những thế dòng sông Mê Kông còn lắm cá nhiều tôm → Dòng sông trù phú, giàu đẹp, gần gũi, gần bó mật thiết với người dân Nam Bộ; dòng sông ấy như người mẹ nuôi dưỡng con người. 4. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ - Hình ảnh người nông dân + Gối đất nằm sượng + Mồ hôi và bãi lầy thành đồng lúa + Cha ông nhắm mắt Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.
---	--

NV4: Hướng dẫn Hs tìm hiểu tình yêu của tác giả đối với dòng sông Mê Kông Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ GV phát PHT số 1 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	- Nghệ thuật: + Phóng đại + Liệt kê + Ẩn dụ → Hình ảnh những con người không chỉ cực nhọc, lam lũ cùng bùn đất để gây dựng quê hương, khai thiên lập địa mà còn biết đoàn kết để giữ gìn đất đai sông núi. 5. Tình yêu của tác giả đối với dòng sông Mê Kông - Thời thơ bé: sự háo hức, say mê, choáng ngợp và khao khát được khám phá - Khi khôn lớn: Tự hào về vẻ đẹp, sự trù phú, giàu có của dòng sông; trân trọng, biết ơn dòng sông - Lúc trưởng thành: nhận thấy Mê Kông không đơn thuần là dòng sông địa lý mà đó còn là dòng sông lịch sử, văn hóa => Tình yêu của tác giả dành cho sông Mê Kông lớn dần và sâu sắc
--	--

- HS suy nghĩ, thảo luận

- Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV5: Hướng dẫn Hs chia sẻ cảm xúc về các hình ảnh trong bài

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

GV phát PHT số 2

Stt	Hình ảnh	Ý nghĩa	Chia sẻ về hình ảnh em ấn tượng nhất
1			
2			

hơn theo năm tháng

6. Chia sẻ cảm xúc

Stt	Hình ảnh	Ý nghĩa	Chia sẻ về hình ảnh em ấn tượng nhất
1	Bản đồ rực rỡ	Niềm tự hào, háo hức	”Mồ hôi và bãi lầy thành đồng lúa” đã làm toát lên phẩm chất của người nông dân Việt Nam nói chung người nông dân Nam Bộ nói riêng đó là sự chăm chỉ, lam lũ, không quản ngại gian khó. Những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay được đánh
2	Bướm với trời xanh	Khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình, khoáng đạt	
3	Cối áo lội dòng sông	Bình dị, gần gũi, đời thường	
4	Phù sa nổi vầng	Sự màu mỡ của đất đai	
5	Cá tôm ngợp thuyền	Sự trù phú, giàu có về sản vật	
6	Mồ hôi và bãi	sự chăm chỉ, cần	

3					lầy thành đồng lúa	mẫn, chịu thương chịu khó của người nông dân Nam Bộ	đổi bằng những giọt mồ hôi
4							
5							
...							
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, gợi mở, cổ vũ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức cho hs báo cáo, quan sát bao quát lớp học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức					...		

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung bài thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng; - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc; - Sử dụng các từ ngữ đắt giá, có tính biểu cảm cao; - Các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, v.v... 2. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước

Cách tổng kết 2

PHT số ...

Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn

..

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Khám phá sông Mê Kông” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

c. Sản phẩm học tập: Thái độ khi tham gia trò chơi, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ	
1. Bài thơ “Cửu Long Giang ta ơi” được viết theo thể thơ nào?	

A. Thơ tự do.

B. Thơ lục bát.

C. Thơ bảy chữ.

D. Thơ tám chữ.

2. Bài thơ “Cửu Long Giang tạ ời” bắt đầu từ hình ảnh nào?

A. Sông Mê Kông.

B. Sông Cửu Long.

C. Lớp học.

D. Cánh đồng hoa.

3. Tấm bản đồ rực rỡ trong bài thơ “Cửu Long Giang tạ ời” được so sánh với hình ảnh gì?

A. Cánh đồng lúa chín vàng bát ngát, mênh mông.

B. Cánh đồng hoa.

C. Cánh rừng bạt ngàn màu xanh.

D. Biển lúc hoàng hôn.

4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”?

A. Nhân hóa,

B. Hoán dụ.

C. Ẩn dụ .

D. Nói quá.

5. “Gậy thần tiên” trong câu thơ “Gậy thần tiên và cánh tay đạo” được hiểu như thế nào?

A. Cây gậy thần của các ông Tiên.

B. Cây thước (đồ dùng dạy học) của thầy giáo trong cái nhìn thơ mộng của học trò

C. Cây gậy tầm vông làm bằng loại tre nhỏ, không có gai, ruột đặc

D. Cây gậy dùng để đánh gol làm bằng gỗ.

6. Những địa danh nào của Nam Bộ được nhắc đến trong bài thơ “Cửu Long Giang tạ ời”?

A. Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp,

B. Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Gò Công, Đồng Tháp, Cà Mau.

C. Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau.

D. Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau.

7. Trong đoạn cuối, thước bẻ to nay đã thành cái gì?

A. Vũ khí chiến đấu

B. Cán cờ sao

C. Cây thước của thế hệ mới

D. Kì vật thiêng liêng

8. Câu thơ “Ngắm nghĩ voi đi, Thác Khôn cười trắng xóa” trong bài thơ

“Cửu Long Giang ta ơi”, sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Ẩn dụ, nhân hóa

B. Nhân hóa, nói giảm.

C. So sánh, nhân hóa.

D. Ẩn dụ, điệp ngữ

9: Trong câu thơ “Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn hóa

D. Hoán dụ

10: Hai dòng thơ:

“Nông dân Nam Bộ gởi đất năm sương

Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa” có ý nghĩa

A. Thể hiện sự cùng cực của người nông dân

B. Người nông dân bị bóc lột sức lao động

C. Thể hiện sự chăm chỉ, chịu thương chịu khó của người nông dân Nam Bộ, không quản mưa nắng, sương gió

D. Cả A, B, C đều sai

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhắc tới sông Mê Kông, ta không thể nào quên hình ảnh chợ nổi</i>	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Giới thiệu về chợ nổi ở Nam Bộ, trình bày được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân Đất nước Việt Nam nhỏ bé nhưng vô cùng đa dạng về địa hình và văn hóa. Xuôi về phía Nam sông nước, ta sẽ chiêm ngưỡng một miền Tây ôn hòa, chân chất, giàu tình người và những loại hình

<i>trên sông, đây vốn là nét văn hóa đặc trưng của người dân Nam Bộ. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu giới thiệu về nét văn hóa này. (Sưu tầm hình ảnh minh họa để bài viết hấp dẫn hơn)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	văn hóa đặc biệt. Đến với Miền Tây bạn không chỉ được thưởng thức những món ăn ngon đặc sắc, những danh lam thắng cảnh nổi tiếng mà còn được ghé thăm một khu chợ đặc biệt – chợ nổi. Gọi là chợ nổi vì chợ họp ở trên sông. Giữa một vùng sông nước bao la là hàng trăm chiếc ghe, xuồng của người quanh vùng về đây tụ tập mua bán. Chợ họp suốt cả ngày, nhưng nhộn nhịp nhất là vào buổi sáng. Thuyền, ghe tấp nập đi lại, luồn lách trên mặt nước, tiếng chào mời mua bán, tiếng cười nói gọi nhau, tiếng ồn ã của động cơ... làm vang động cả một vùng, quang cảnh nhộn nhịp và sôi động. Trên thuyền chất đầy hàng hoá, nhiều nhất vẫn là trái cây, mùa nào thức nấy: chôm chôm, xoài, cam, quýt, bưởi, măng cụt, sầu riêng..., sản vật của vùng sông nước kênh rạch như cá, rùa, rắn, cua, tôm, chim đồng, bông súng, rau tươi...Các chợ nổi lớn của miền Tây như Phụng Hiệp, Phong Điền, Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang).Chợ nổi là nét văn hóa đặc thù của vùng sông nước miền Tây phóng khoáng và nghĩa tình. Nếu có đặt chân đến vùng đất Tây Nam Bộ, bạn hãy đừng quên ghé thăm và trải nghiệm nét độc đáo riêng nơi đây để hòa vào nếp văn hóa đặc sắc nơi đây.
--	--

PHT số 1

INCLUDEPICTURE

"https://scontent.fsgn5-4.fna.fbcdn.net/v/t1.15752-9/s2048x2048/240890825_544361383512039_890157604898606605_n.png?_nc_cat=102&ccb=1-5&_nc_sid=ae9488&_nc_ohc=Tr8vDXYQp6UAX-UmHyF&_nc_ht=scontent.fsgn5-4.fna&oh=0c90c6adc1bbb21c93e1ba828e71df48&oe=61618DBF" *

MERGEFORMATINET INCLUDEPICTURE

"https://scontent.fsgn5-4.fna.fbcdn.net/v/t1.15752-9/s2048x2048/240890825_544361383512039_890157604898606605_n.png?_nc_cat=102&ccb=1-5&_nc_sid=ae9488&_nc_ohc=Tr8vDXYQp6UAX-UmHyF&_nc_ht=scontent.fsgn5-4.fna&oh=0c90c6adc1bbb21c93e1ba828e71df48&oe=61618DBF" *

MERGEFORMATINET INCLUDEPICTURE

"https://scontent.fsgn5-4.fna.fbcdn.net/v/t1.15752-9/s2048x2048/240890825_544361383512039_890157604898606605_n.png?_nc_cat=102&ccb=1-5&_nc_sid=ae9488&_nc_ohc=Tr8vDXYQp6UAX-UmHyF&_nc_ht=scontent.fsgn5-4.fna&oh=0c90c6adc1bbb21c93e1ba828e71df48&oe=61618DBF" *

MERGEFORMATINET INCLUDEPICTURE

"https://scontent.fsgn5-4.fna.fbcdn.net/v/t1.15752-9/s2048x2048/240890825_544361383512039_890157604898606605_n.png?_nc_cat=102&ccb=1-5&_nc_sid=ae9488&_nc_ohc=Tr8vDXYQp6UAX-UmHyF&_nc_ht=scontent.fsgn5-4.fna&oh=0c90c6adc1bbb21c93e1ba828e71df48&oe=61618DBF" *

PHT Số:Họ tên:.....

Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông

Thơ bé

Khôn lớn

Trưởng Thành

Nhận Xét

Tiết chủ đề: 9-10-11

Tiết PPCT: 64-65-66

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Bài văn tả cảnh sinh hoạt

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước;
- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực học tập;

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------	-------------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Trong cuộc sống hàng ngày có rất nhiều hình sự việc xảy ra, đặc biệt là trong các dịp lễ hội. Em hãy kể tên một vài sự việc đó (em chứng kiến hoặc tham gia)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ - HS suy nghĩ, trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS đọc, trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới: Những sự việc em vừa liệt kê đó chính là những sự việc liên quan đến đời sống hàng ngày. Vậy làm thế nào để người khác có thể	- Học sinh trả lời được: + Gói bánh chưng ngày Tết + Chuẩn bị quà để cứu trợ vùng lũ lụt, dịch bệnh + Nấu/ phát cơm từ thiện + Thu hoạch mùa màng + Lễ hội kéo co + Chợ cá bên bờ biển...
---	---

hình dung được những sự kiện xảy ra đó? Cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một kiểu bài mới, đó chính là kiểu bài “Bài văn tả cảnh sinh hoạt”	
--	--

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Em hãy cho biết khi làm một bài văn tả cảnh sinh hoạt cần phải đảm bảo những yêu cầu nào? + Gv phát PHT số 1, học sinh làm việc nhóm đôi	1. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt; - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính); - Tả hoạt động cụ thể của con người; - Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	cách rõ nét, sinh động; - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.
--	--

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi: + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần? + Cảnh sinh hoạt được tả trong bài viết tham khảo là cảnh gì? + Tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào để miêu tả cảnh sinh hoạt? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt: + Giới thiệu cảnh sinh hoạt: chợ phiên vùng cao; + Tả quang cảnh chung: cái nhìn bao quát, đi từ bên ngoài vào trong, từ xa đến gần (“chợ họp trên sườn núi”, “từ trên cao nhìn xuống”, “vào chợ”); + Tả cảnh hoạt động cụ thể của con người: phụ nữ, đàn ông, em bé có những hoạt động riêng; + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động; + Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết (“Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam).

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước;

- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước trước khi viết bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Lựa chọn đề tài Hãy nhớ lại cảnh sinh - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn cảnh sinh hoạt, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập số 1: <table border="1"> <tr> <td>Em sẽ tả cảnh gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt có</td><td>.....</td></tr> </table>	Em sẽ tả cảnh gì?		Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?		Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?		Cảnh sinh hoạt có		3. Thực hành viết theo các bước <i>Các bước tiến hành</i> a. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài; - Tìm ý; - Lập dàn ý.
Em sẽ tả cảnh gì?									
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?									
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?									
Cảnh sinh hoạt có									

những chi tiết nào đặc sắc?	
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?	
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	

+ Sau khi tìm ý thì hướng dẫn học sinh lập dàn ý (PHT số 2)

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài và chỉnh sửa bài viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Gv phát bảng kiểm để học sinh định

b. Viết bài

c. Chỉnh sửa

<i>hướng viết bài văn</i> + Gv hướng dẫn thêm về cách viết bài văn + Học sinh tự rà soát, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo bảng kiểm - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết bài văn

c. Sản phẩm học tập: Bài văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Trong năm 2021 vừa qua, tỉnh...đã trải qua nhiều lần thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ. Em hãy viết một bài văn kể lại cảnh sinh hoạt của gia đình em trong những ngày giãn cách xã hội. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Tả lại cảnh sinh hoạt gia đình trong những ngày giãn cách.

PHT số 2

Mở bài	Giới thiệu cảnh sinh hoạt được tả - Cảnh sinh hoạt:..... - Thời gian, địa điểm:
Thân bài	Tả cảnh sinh hoạt 1. Tả cảnh sinh hoạt chung bằng một cái nhìn bao quát: - Ý 1: Ý 2: 2. Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần: - Ý 1: - Ý 2: 3. Tả sự thay đổi của sự vật của bức tranh sinh hoạt trong thời gian, không gian: - Ý 1: - Ý 2:
Kết bài	Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt

Bảng kiểm

Các phân của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Dùng ngôi xưng hô phù hợp trong khi quan sát, miêu tả.	
	Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra cảnh sinh hoạt.	
Thân bài	Tả bao quát cảnh sinh hoạt.	
	Tái hiện được các sự vật, đường nét, màu sắc, âm thanh cụ thể.	
	Kết hợp các giác quan khi quan sát và miêu tả.	

	Tả cảnh sinh hoạt theo trình tự.	
	Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc đối với con người, cuộc sống được miêu tả.	
Kết bài	Nêu được ấn tượng, tình cảm của người viết đối với cảnh sinh hoạt.	

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.	
Cảnh được tả bao quát.	
Cảnh được tả cụ thể.	
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp.	
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.	

Tiết chủ đề: 12

Tiết PPCT: 67

NÓI VÀ NGHE

CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia;

- HS biết cách nói và nghe phù hợp: Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

PHIẾU KHẢO SÁT

	Mức độ		Cảm xúc		
	Rồi	Chưa	Vui	Buồn	Ý kiến khác
1. Em đã bao giờ theo người thân ra đồng chưa?					
2. Em đã bao giờ đi chợ cùng mẹ chưa?					
3. Em đã từng đến một bãi biển nào chưa?					
4. Em đã từng đi thăm một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nào chưa?					
5. Em đã bao giờ đến thành phố chơi chưa?					
6. Em có tham gia các hoạt động thiện nguyện không?					
7. Em đã bao giờ đi tảo mộ chưa?					
8. Em đã bao giờ tham gia lễ hội nào chưa?					

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên phát Phiếu khảo sát để khảo sát học sinh - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ	- Học sinh đánh dấu vào Phiếu khảo sát và chia sẻ cảm nhận của cá nhân

- HS suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới:

Cách 1:

Cô đã quan sát PHT của các con, cảm ơn các con đã chia sẻ với cô những trải nghiệm và cảm xúc của mình. Cô thấy hầu hết các con đều đan xen những kỉ niệm vui và buồn. Ngày nắng còn có ngày mưa, trải nghiệm vui- buồn cũng là lẽ thường tình của cuộc sống đúng không các con? Hôm nay các con có sẵn sàng chia sẻ trải nghiệm của mình với cô và các bạn không nào? Chúng ta bắt đầu tiết học: “Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em từng sống hoặc từng đến”

Cách 2: Ở nơi ta gắn bó hoặc ở nơi ta đặt chân đến dù ít dù nhiều sẽ có những trải nghiệm thú

vị. Các con có sẵn sàng chia sẻ trải nghiệm của mình cho các bạn biết không? Chúng ta cùng chia sẻ để làm giàu thêm vốn hiểu biết của mình về các vùng miền của đất nước nhé các con. Đây cũng là chủ đề của tiết học hôm nay: “Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em từng sống hoặc từng đến”	
---	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trước khi nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; + GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói; + GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội	1. Trước khi nói - Lựa chọn đề tài, nội dung nói; - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói; - Tập luyện.

dung, cách nói; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	
---	--

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi kết hợp phiếu đánh giá

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Nhắc học sinh một số lưu ý</i> + <i>Gv gọi một số học sinh trình bày</i>	2. Trình bày bài nói - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói. - Bám sát vào mục đích nói, trình bày

<i>trước lớp</i> + <i>Phát bảng kiểm</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	một cách rõ ràng, nhấn mạnh những điểm quan trọng - Nêu câu hỏi để lôi cuốn người nghe tham gia tương tác - Bày tỏ suy nghĩ hào hứng, kể về những cảnh, những sự việc mà em đã chứng kiến hoặc trực tiếp tham gia - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp - Có thể sử dụng các ghi chú - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh...)
--	--

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nhằm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, Phiếu đánh giá

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS, Phiếu đánh giá của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo bảng kiểm</i> + <i>Em thích điều gì nhất trong phần</i>	3. Trao đổi về bài nói - Hs trao đổi, nhận xét

<i>trình bày của bạn? Khi nghe bạn nói, em có cảm xúc như thế nào?</i> + <i>Em thấy ý kiến góp ý nào hợp lý nhất? Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì nhất trong phần trình bày của mình không?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận; + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
---	--

C – D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

c. Sản phẩm học tập: Video của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------	-------------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (em có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh...) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs thực hiện ở nhà	- Hs quay video bài nói gửi cho giáo viên
--	--

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.	
Cảnh được tả bao quát.	
Cảnh được tả cụ thể.	
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp.	
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.	

Tiết chủ đề: 13

Tiết PPCT: 68

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG THỰC HÀNH ĐỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Ôn tập lại các kiến thức đã học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề
- Nhận biết được đặc điểm thơ lục bát trong các bài thơ, ca dao
- Viết được đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát
- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.
- Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học;

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Nhanh như chớp”
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS
- d) **Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

TT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Cô Tô là một quần đảo thuộc Vịnh Bắc Bộ.		
2	Để đến Hang Én, phải đi qua thung lũng Rào Thương đến dốc Ba Giàn.		
3	Trước tâm bão, chân trời ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây hết bụi.		
4	Tác giả ngấm mặt trời mọc vào ngày thứ 6 trên đảo Thanh Luân.		
5	Hang Én giống như một ngôi nhà khổng lồ và an toàn mà mẹ thiên nhiên ban tặng.		
6	“Cô Tô” và “Hang Én” viết theo thể loại du ký.		
7	Kí thường được viết theo trình tự thời gian và có nhiều yếu tố kì ảo.		
8	Dấu ngoặc kép có công dụng: đánh dấu từ ngữ, lời dẫn trực tiếp, lời đối thoại, đánh dấu tên tác phẩm...		

TT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Cô Tô là một quần đảo thuộc Vịnh Bắc Bộ.	x	
2	Để đến Hang Én, phải đi qua thung lũng Rào Thương đến dốc Ba Giàn.		x
3	Trước tâm bão, chân trời gần bề sạch như một tấm kính lau hết mây hết bụi.		x
4	Tác giả ngắm mặt trời mọc vào ngày thứ 6 trên đảo Thanh Luân.	x	
5	Hang Én giống như một ngôi nhà khổng lồ và an toàn mà mẹ thiên nhiên ban tặng.		x
6	“Cô Tô” và “Hang Én” viết theo thể loại du ký.	x	
7	Kí thường được viết theo trình tự thời gian và có nhiều yếu tố kì ảo.		x
8	Dấu ngoặc kép có công dụng: đánh dấu từ ngữ, lời dẫn trực tiếp, lời đối thoại, đánh dấu tên tác phẩm...	x	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv phát PHT số 1</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động	- Hs đưa ra câu trả lời

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	
- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài	

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề
- Khái quát lại các văn bản

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm ghi chép của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin về hai văn bản Cô Tô, Hang Én

	Cô Tô	Hang Én
Hành trình khám phá của người kể chuyện		
Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu...)		
Những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu		

Dự kiến sản phẩm

	Cô Tô	Hang Én
Hành trình khám phá của người kể chuyện	Sau trận bão Cô Tô trở lại là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Cô Tô từ khi khi có dấu hiệu sự sống con người thì sau cơn bão trời lúc nào cũng trong sáng và tươi đẹp như thế. Cây cối trên đảo lại thêm xanh mướt, nước biển lại lam biếc đậm	- Dốc Ba giàn: dài 2km, dốc cao và gập ghềnh, đường đi khó khăn, trơn, nhiều cây cối giăng kín. - Thung lũng Rào Thương: có con suối Rào Thương róc rách, nước trong vắt, mát lạnh, con đường cây cối rậm rạp, nhiều bướm đủ màu.

	đà hơn tất cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa. Sau những ngày có bão thì lũ cá sẽ biệt tăm biệt tích nhưng nay lưới càng thêm nặng mẻ cá già đôi. Cảnh Cô Tô buổi sáng thật trắng lệt, hùng vĩ. Cảnh sinh hoạt của người dân ở đảo Cô Tô rất nhộn nhịp và vui vẻ.	- Hang Én: cửa 2 lớp. vòm dẫn vào sảnh chờ, lòng hang hẹp, sát với sông ngầm, sâu ngang thắt lưng. Trong hang vô cùng kì vĩ: hang rộng chứa hàng trăm người, trần hang cao nhất là 120m, nhũ đá giăng đầy vách núi. Hang là nơi sinh sống của rất nhiều chim én.
Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu...)	Cô Tô: một đoạn đảo gồm 50 đảo nhỏ, thuộc tỉnh Quảng Ninh, diện tích trên 47,3 km². Cô Tô nổi tiếng với cảnh biển đẹp và những đặc sản biển như ngọc trai, san hô, hải sâm,... Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung.	Hang Én: Nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình, là hang động lớn thứ ba thế giới sau hang Sơn Đoòng ở Việt Nam và hang Đẻ-ơ (Deer) ở Malaysia. Hang có chiều dài hơn 1,6km, gồm ba cửa. Trần hang có nơi cao 100m, nơi rộng nhất 170m. Trong đó lòng hang có con suối trong xanh chảy quanh co, uốn lượn làm nên vẻ kì thú của thiên nhiên nơi đây.
Những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu	Ngôn ngữ điêu luyện, sự miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc. Sử dụng biện pháp tu từ so sánh để làm cảnh biển Cô Tô thêm sinh động.	Sử dụng ngôi kể thứ nhất tăng sự chân thực, trình tự miêu tả hấp dẫn, cách miêu tả thú vị cùng những thông tin chính xác.

Câu 2:

DA DIẾT MIỀN TRUNG

Ta về dảo đất yêu thương
 Eo tròn thắt ruột vẫn vương hai đầu
 Nhớ làng Sen hát bí bầu
 Ấu ơ con sóng tím màu sông Lam
 Dệt thương nịu gọi Nam Đàn
 Bóng Cha yêu kính vô vàn Nước Non

Nguyễn Du xót nhớ hồng von
Kiều Kim cay đắng mối mòn tìm nhau

Quảng Bình Nhật Lệ bạc đầu
Vũng Chùa Đảo Yến đỏ màu Tướng nghiêm
Mẹ Suốt đầu ngẩng trung kiên
Chang chang nắng gió thảo hiền mẹ Tơm

Quảng Trị tám một ngày đêm
Để thương để nhớ bạn hiền ... Ngấn ngơ
Huế thương tím sẫm đợi chờ
Áo dài dáng thả sương mơ Trường Tiền

Nam ai Thiên Mụ nổi miền
Bán Trăng Mặc Tử dạ xiên khóc đời
Đà Thành Đất Quảng mẹ tôi
Cơm phần chín đĩa ghen lời nhớ thương *

Dạt dào khúc giữa đèo nương
Hải Vân Thiên Mụ kiên cường gió reo
Gói bao thương xót phận nghèo
Phong trào nổi dậy đuổi theo sao vàng

Xây lên hạnh phúc thên thang
Dân giàu nước mạnh sánh hàng năm châu.

*Chú Thích: Mẹ Thứ có 9 người con hy sinh

Thụy Giang

Mùa Xuân Tây Bắc

Ai về tây bắc cùng em
Ghé thăm phong cảnh núi xen mây ngàn
Làn sương trắng nhẹ tỏa lan
Đồi chè hút gió ngập tràn nắng xuân

Hoa mơ nở khắp núi rừng
Đắm say sơn nữ ngập ngừng bước chân
Cảnh xuân tha thiết nông nàn
Tình xuân ấm áp chứa chan gọi mời

Xuân về nhộn nhịp muôn nơi
Khắp rừng tây bắc tiếng cười rộn vang.
(Axeng)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NGHÌN NĂM THÁP KHƯƠNG MỸ	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>- Gv chuyển giao nhiệm vụ:</i> <i>Gv hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi sách giáo khoa</i> <i>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i>	1. Dấu hiệu của thể loại du kí trong văn bản Dấu hiệu cho thấy văn bản này thuộc thể loại du ký: Văn bản ghi chép lại hành trình khám phá tháp Khương Mỹ. 2. Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ 1. Những thông tin cơ bản về tháp Khương Mỹ - Thời gian: Xây dựng cuối thế kỉ IX đầu thế kỉ X. - Địa điểm: Thuộc thôn 4, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. - Kết cấu: Gồm ba tháp được xếp theo trục bắc - nam:
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	

nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài	Tháp Bắc, Tháp Giữa, Tháp Nam. - Giá trị: Được công nhận là di tích quốc gia năm 1989. 2. Kiến trúc tháp Khương Mỹ - Kiến trúc + Theo lối tháp Chăm truyền thống: mặt bằng gần vuông, cửa ra vào hướng đông, mái ba tầng. + Cửa giả của các tầng trang trí hình lá đề. + Bên trong tháp trống trơn, chỉ có rêu xanh phủ đầy ở những nơi mà ánh sáng lọt vào. - Hoa văn tinh tế + Chân tháp: Tác phẩm điêu khắc như hình chim thần Ga-ru-đa, rắn Na-ga, người cưỡi voi, người cưỡi ngựa... + Từ chân đến đỉnh tháp là hoa văn điêu khắc trực tiếp trên gạch với những nét uyển chuyển khó tin. + Xung quanh chân tháp những mảng điêu khắc các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc. Các tượng khỉ có liên quan đến trường ca Ra-ma-ya-na. Vài chú khỉ đội hành lý trên đầu, có lẽ đang đội nước. Có cảnh khỉ bị rùa cắn, ba chú khỉ đang đánh trống, nhảy múa. - Cách xây dựng + Vẫn khiến các nhà khoa học đau đầu, chưa có lời giải đáp. + Các giả thiết như: Những viên gạch được mài phẳng rồi xếp lên nhau vừa khít, được gắn bởi một loại keo dán đặc biệt; Xếp gạch chưa nung thành tòa tháp rồi nung lên cho chúng gắn kết tự nhiên trong quá trình
---	---

	nung. 3. Thông tin hữu ích về lịch sử và văn hóa - Lịch sử: Di tích tháp Chăm Khương Mỹ thuộc thôn 4, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được xây dựng vào cuối thế kỉ IX đầu thế kỷ, bao gồm 3 tháp: tháp Bắc, tháp Giữa, tháp Nam. - Văn hóa: Một số tác phẩm điêu khắc... người cưỡi ngựa; Xung quanh chân tháp... đánh trống, nhảy múa.
--	--

Tiết chủ đề:

Tiết PPCT: 69-70

ÔN TẬP CUỐI KÌ I

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Các chủ đề đã học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã được học từ đầu năm đến giờ.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói, nghe

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, tích cực học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Giáo viên tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”

c) Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Em hãy nhắc lại tên các văn bản, đoạn trích đã học trong 5 chủ đề ở học kì 1 + Em hãy nhắc lại tên các biện pháp tu từ được học ở học kì I 	* Học sinh trả lời - Văn bản + Bài học đường đời đầu tiên + Bắt nạt + Con chào mào + Gió lạnh đầu mùa

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả tham gia trò chơi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài	+ Cô bé bán diêm + Chuyện cổ nước mình... - Biện pháp tu từ + So sánh + Nhân hóa + Ẩn dụ + Hoán dụ ...
--	---

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Cùng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ phát PHT để học sinh hoàn thiện

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời, kết quả PHT

d. Tổ chức hoạt động

Câu 1: Trong học kỳ I, em đã học các bài: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xử sở. Hãy chọn một bài văn mà em cho là tiêu biểu và lập theo bảng mẫu sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

Dự kiến sản phẩm

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung
Tôi và các bạn	Bài học đường đời đầu tiên	Tô Hoài	Truyện ngắn	Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc. Ngôn ngữ chính xác, giàu tạo hình	Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc chị Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình
Gõ cửa	Bức	Tạ Duy	Truyện	Sử dụng cách trần thuật	Tình cảm trong sáng, hồn

trái tim	tranh của em gái tôi	Anh	ngắn	ngôi thứ nhất trong vai người anh, chuyện đã diễn tả tinh tế diễn biến tâm lý của nhân vật người anh và những nét đẹp trong tâm hồn, tính cách cô em gái.	nhiên và lòng nhân hậu của người em gái có tài năng hội họa giúp người anh nhận ra và vượt qua được lòng tự ái đố kỵ và tự ti của mình.
Yêu thương và chia sẻ	Cô bé bán diêm	Han Cri-xti-an An-đéc-xen	Truyện cổ tích	Nghệ thuật kể chuyện của tác giả rất hấp dẫn An-đéc-xen đã kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn, các tình tiết trong truyện được sắp xếp hợp lý.	Truyện Cô Bé Bán Diêm kể về mộng tưởng và khác nhau của một cô bé bán diêm mồ côi mẹ, sống trong sự ghẻ lạnh của người bố và em đã chết trong đêm giao thừa vì đói và lạnh. truyện thức tỉnh người đọc về lòng trắc ẩn của con người trước những số phận trẻ thơ còn bị đối xử bất công trong mọi thời đại.
Quê hương yêu dấu	Tre Việt Nam	Thép Mới	Kí	Bài Bút Ký có nhiều hình ảnh phong phú, chọn lọc, vừa cụ thể, vừa mang tính biểu tượng, lời văn ăn giàu nhạc điệu và có tính biểu cảm cao.	Văn bản Cây Tre Việt Nam nói về vẻ đẹp những phẩm chất và sự gắn bó của cây tre đối với người nông dân Việt Nam. nhân dân Việt Nam Tre đã trở thành biểu tượng của dân tộc và đất nước Việt Nam.
Những nẻo đường	Cô Tô	Nguyễn Tuân	Kí	Tác giả đã thể hiện tài quan sát tinh tế ngôn ngữ vừa chính xác vừa	Văn bản Cô Tô trích từ bài ký cùng tên của Nguyễn Tuân, miêu tả cảnh thiên

xứ sở				độc đáo khi miêu tả cảnh Cô Tô với nhiều hình ảnh so sánh mới lạ và những từ ngữ giàu tính sáng tạo.	nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô ở Vịnh Bắc Bộ.
-------	--	--	--	--	---

Câu 2: Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:

- Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài
- Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài.

Dự kiến sản phẩm

- Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài

- Kể lại một trải nghiệm của bản thân: Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất, giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ, tập trung vào sự việc đã xảy ra, thực hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể
- Nêu cảm xúc về một bài thơ: Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả, thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ, nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng đối với sự thể hiện tình cảm của tác giả trong bài thơ, chỉ ra nét độc đáo của bài thơ.
- Tập làm thơ lục bát: Các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám. Trong dòng sáu dòng tám, tiếng thứ sáu là thanh bằng, tiếng thứ tư là thanh trắc. Thường ngắt nhịp chẵn 2/2; 4/4
- Tả cảnh sinh hoạt: Giới thiệu được cảnh sinh hoạt, tả bao quát quang cảnh, tả hoạt động cụ thể của con người, sử dụng những từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt, nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.

- Nếu được lựa chọn, em sẽ viết về đề tài tả cảnh sinh hoạt trong gia đình em.

Câu 3. Nêu qua những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài học trong học kỳ vừa qua. Những nội dung này có liên quan thế nào với những gì em đã đọc và viết?

*** Những nội dung đã thực hành**

- Bám sát mục đích bài nói.
- Phân tích bài viết mẫu
- Dựa vào bảng kiểm để định hướng viết
- Khi trình bày, tự tin và thoải mái, điều chỉnh tốc độ nói, giọng điệu, cử chỉ phù hợp
- Sử dụng kết hợp các phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, ví dụ, đồ vật...
- Chọn cách nói, cách kể tự nhiên, gần gũi.

*** Mối quan hệ với đọc và viết**

- Giống nhau về đề tài, chủ đề
- Giống nhau về thể loại

Câu 4: Tóm tắt các kiến thức tiếng Việt mà em đã học trong học kỳ I theo mẫu gợi ý sau

Bài	Kiến thức tiếng Việt	Ví dụ

Dự kiến sản phẩm

Bài	Kiến thức tiếng Việt	Ví dụ
Tôi và các bạn	- Từ đơn do một tiếng tạo thành, còn từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành - Từ phức:	- Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta chịu sao được - Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang như

	+ Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau. + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm - So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác trên cơ sở có nét tương đồng, làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt	là tiếng nhạc. - Phành phạch, véo von, hừ hừ Chi làm ppt phần này
Gỗ cửa trái tim	- Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt - So sánh - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt - <i>Điệp ngữ</i> là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.	Tự lấy ví dụ
Yêu thương và chia sẻ	- Thành phần chính của câu có thể là một từ, cũng có thể là một cụm từ. - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu giúp câu được cung cấp nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. - Có nhiều loại cụm từ, nhưng tiêu biểu nhất là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ	
Quê hương yêu dấu	- Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa	

	khác nhau, không liên quan với nhau; - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau. - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	
Những nẻo đường xứ sở	- Dấu ngoặc kép + Trích lời dẫn trực tiếp + Trích lời dẫn trực tiếp + Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt + Đánh dấu tên tác phẩm được dẫn - Ẩn dụ - So sánh	

(Bài tập nâng cao)

Câu 7:

Bình minh trên biển

Mặt trời như cái mâm con
 Nhô lên trên biển hòn son đỏ lừ
 Cao dần tỏa sáng ảo hư
 Một vùng sáng lóe từ từ lên cao
 Ông trăng chạy trốn cùng sao
 Để cho ánh sáng hồng hào rong chơi

Thuyền buồm giương cánh xa khơi
Mãi mê rong ruổi một trời tự do
Ô kìa...trông giống chữ o
Tỏa tia nắng ấm xuống cho mọi người
Rộn ràng tiếng trẻ vui cười
Nô đùa trên cát sóng lười đẩy đưa
Bình minh trên biển... tuyệt chưa
Trông như cô gái thẹn thù mới yêu
[Má hồng](#) duyên dáng yêu kiều
Làm cho bao kẻ liêu xiêu vì nàng
Rạng đông trên biển dịu dàng
Ta yêu biển yêu cả hàng dừa xanh
Biển tung bọt sóng long lanh
Dịu êm làn gió ngọt lành...biển ru.
(Hiệp Kim)

a. Viết một đoạn văn ngắn ghi lại cảm xúc về bài thơ.

*b. So sánh hình ảnh mặt trời trong bài thơ với hình ảnh mặt trời mọc trong bài
“Cô Tô” của Nguyễn Tuân*

